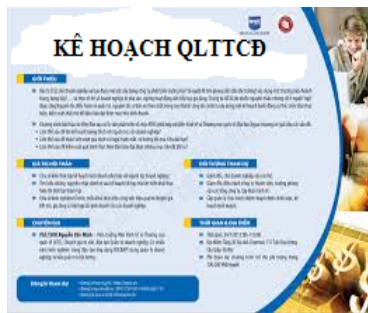


DỰ ÁN “TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC THỂ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI TẠI VIỆT NAM, ĐẶC BIỆT LÀ CÁC THIÊN TAI LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU –SCDM II ”

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



Bình đẳng giới

Biên soạn:
Tài trợ:
Đơn vị phối hợp

Trung tâm Hỗ trợ Phát triển (CDA)
Chương trình Phát triển Liên Hiệp quốc (UNDP)
Oxfam, Hội Phụ nữ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Care International, Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (DMC)

Tháng 12/2013

MỤC LỤC

<i>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT</i>	iii
<i>PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI LIỆU</i>	1
1.1 Cơ sở xây dựng tài liệu Hướng dẫn Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	1
1.2 Mục đích sử dụng tài liệu	2
1.3 Đối tượng sử dụng	2
1.4 Cách sử dụng Tài liệu	2
<i>PHẦN 2: KHÁI NIỆM CHUNG TRONG QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI KHÁC</i>	3
2.1 Khái niệm quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu	3
2.2 Khái niệm chính liên quan đến vấn đề về giới	5
2.3 Lợi ích và nội dung của việc lồng ghép giới	8
2.4 Các nhóm dễ bị tổn thương	8
2.5 Văn hóa bản địa trong quản lý rủi ro thiên tai	9
2.6 Phân vùng địa lý các loại hình thiên tai và BDKH ở Việt Nam	10
<i>PHẦN 3: GIỚI THIỆU QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG</i>	11
3.1 Khái niệm cộng đồng	11
3.2 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	11
3.3 Mục đích	12
3.4 Đặc điểm	12
3.5 Nguyên tắc	12
3.6 Quy trình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	13
3.7 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại Việt Nam	14
<i>PHẦN 4: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BƯỚC QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG</i>	16
Bước 1: Giới thiệu về QLTTCD	17
Bước 2: Chuẩn bị	17
Bước 3: Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	18
Bước 4: Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ RRTT dựa vào cộng đồng	19
Bước 5: Thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai	20
Bước 6: Giám sát, đánh giá có sự tham gia	20
<i>PHẦN 5 : HƯỚNG DẪN CẤP XÃ TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ LẬP KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG</i>	21
5.1 Tổ chức đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	21
5.1.1 Khái niệm	21
5.1.2 Nội dung đánh giá rủi ro thiên tai	21
5.1.3 Các bước thực hiện	24
5.2 Lập kế hoạch phòng, chống thiên tai dựa vào cộng đồng	25
5.2.1 Mục tiêu	25

5.2.2	Các bước lập kế hoạch phòng, chống thiên tai dựa vào cộng đồng	26
5.2.3	Nội dung chính trong kế hoạch phòng, chống thiên tai	26
5.3	Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	27
5.4	Kế hoạch phòng, chống thiên tai (Mẫu tham khảo)	27
	<i>PHỤ LỤC 1: CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI Ở VIỆT NAM</i>	31
	<i>PHỤ LỤC 2: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</i>	39
	<i>PHỤ LỤC 3: MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI (tham khảo)</i>	43
	<i>PHỤ LỤC 4: NHIỆM VỤ CHI TIẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QLTTCD</i>	44
	<i>PHỤ LỤC 5: ĐỀ ÁN NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG</i>	49
	<i>TÀI LIỆU THAM KHẢO</i>	54

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

APDC	Trung tâm thiên tai Châu Á Thái Bình Dương
BĐKH	Biến đổi khí hậu
CCFSC	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão Trung ương
CECI	Trung tâm nghiên cứu và hợp tác quốc tế
CFSC	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn
DBTT	Dễ bị tổn thương
DMC	Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai
ĐGRRTT	Đánh giá rủi ro thiên tai
GNRRTT	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
IPCC	Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu
MDGs	Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ
MRC	Ủy Ban sông Mê Kông
NDRMP	Dự án Quản lý rủi ro thiên tai (WB4)
NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
RRTT	Rủi ro thiên tai
QLTTCD	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
SCDM	Dự án Tăng cường năng lực thể chế quản lý rủi ro thiên tai
NDMP	Đối tác giảm nhẹ thiên tai
UBND	Ủy ban nhân dân
UNDP	Chương trình phát triển Liên hợp quốc
UNISDR	Chiến lược quốc tế về giảm nhẹ thiên tai Liên hiệp quốc
TCTL	Tổng cục Thủy lợi
TKCN	Tìm kiếm cứu nạn
TTDBTT	Tình trạng dễ bị tổn thương
TỦBĐKH	Thích ứng biến đổi khí hậu
VCA	Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực
WB	Ngân hàng Thế giới.

PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI LIỆU

1.1 Cơ sở xây dựng tài liệu Hướng dẫn Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Trong những năm qua, thiên tai xảy ra ở khắp các khu vực trên cả nước, gây nhiều tổn thất to lớn về người, tài sản, cơ sở hạ tầng về kinh tế, văn hoá, xã hội, tác động xấu đến môi trường. Chỉ tính 10 năm qua (2002-2011), các loại thiên tai như: bão, lũ, tố lốc...và các loại thiên tai khác đã gây thiệt hại đáng kể về người và tài sản của nhà nước và nhân dân: làm chết và mất tích 3.946 người, bị thương 6.326 người; làm đổ, trôi, ngập, hư hỏng khoảng 4.375.465 ngôi nhà, trường học, bệnh viện và các công trình khác. Thiệt hại về vật chất lên tới 106.607 tỷ đồng¹. Mức độ thiên tai ở Việt Nam ngày càng gia tăng cả về quy mô cũng như chu kỳ lặp lại kèm theo những đợt biến khó lường.

Trước những xu thế bất lợi đang ngày càng gia tăng của thiên tai, biến đổi khí hậu, trên cơ sở những yêu cầu cấp bách trong việc nâng cao nhận thức về thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai của các cấp quản lý và cộng đồng, đồng thời nhằm huy động mọi nguồn lực trong nước và quốc tế, Chính phủ đã phê duyệt **Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng”** tại Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009². Đây được xem là những nỗ lực, quyết tâm của Chính phủ trong việc huy động mọi nguồn lực xã hội và người dân trong công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, đồng thời đây cũng được coi là một ưu tiên của chính phủ Việt Nam để thực hiện Chiến lược quốc gia về ngăn ngừa và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.

Nhằm đáp ứng nhu cầu Nâng cao nhận thức của cộng đồng cũng như Hướng dẫn về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, Tài liệu hướng dẫn Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (QLTTCD) được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp lý quan trọng sau đây:

- **Luật phòng, chống thiên tai** được Quốc hội thông qua tháng 6/2013;
- **Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng”** được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009;
- **Hướng dẫn tổ chức thực hiện Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng** do Tổng cục Thủy lợi (TCTL), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) ban hành theo Quyết định 666/QĐ/TCTL/ĐĐ tháng 8/2009;
- **Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020** được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại quyết định 172/2007/QĐ-TTg tháng 11/2007.

Đặc biệt, tài liệu sử dụng **Sổ tay “Hướng dẫn cấp xã lập kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”** từ sáng kiến mạng lưới vận động chính sách về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại

¹ Tính toán dựa trên tổng kết số liệu thống kê thiệt hại của Cục quản lý đê điều và phòng chống lụt bão, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

² Chi tiết xem Đề án phần phụ lục

Việt Nam (JANI), 9/2011 cùng nhiều tài liệu quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng do các cơ quan, tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước tại Việt Nam biên soạn.

1.2 Mục đích sử dụng tài liệu

Mục đích của tài liệu nhằm Hướng dẫn chính quyền cấp xã, thôn/bản/ấp và các bên có liên quan thực hiện Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và nâng cao nhận thức cộng đồng.

1.3 Đối tượng sử dụng

Tài liệu được biên soạn cho các đối tượng:

- Chính quyền cấp xã;
- Trưởng thôn/bản/ấp;
- Các tổ chức chính trị, xã hội;
- Các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật;
- Các Nhóm cộng đồng

1.4 Cách sử dụng Tài liệu

Cuốn Tài liệu này cung cấp cho các đối tượng trong mục 1.3 về thông tin, các công cụ cũng như các biểu mẫu để chủ động tổ chức thực hiện Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại địa phương mình.

Tài liệu Hướng dẫn được chia thành 2 nhóm nội dung:

Nhóm 1: Giới thiệu tổng quan về tài liệu, các khái niệm chung/cơ bản về Quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu và các vấn đề xã hội gồm Phần 1 và Phần 2. Hai phần này cần được chú trọng để làm cơ sở cho việc thực hiện QLTTCD.

Nhóm 2: Hướng dẫn thực hiện Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng gồm Phần 3, 4 và 5. Nhóm này giới thiệu chi tiết các bước thực hiện QLTTCD và cách sử dụng kết quả đánh giá rủi ro thiên tai để lập kế hoạch có sự tham gia.

PHẦN 2: KHÁI NIỆM CHUNG TRONG QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI KHÁC

2.1 Khái niệm quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

(Luật Phòng, Chống thiên tai của Việt Nam)

Chi tiết các loại hình thiên tai, nguyên nhân hình thành, các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai xem Phụ lục 1.

Hiểm họa sự kiện hoặc hiện tượng nguy hiểm có thể gây ảnh hưởng tới tính mạng, sức khỏe, thiệt hại về tài sản, sinh kế và các dịch vụ xã hội, có thể làm gián đoạn các hoạt động kinh tế - xã hội và tàn phá môi trường. Có 2 loại hiểm họa là hiểm họa tự nhiên và hiểm họa do con người.

(UNISDR)

Ví dụ: Áp thấp nhiệt đới được hình thành trên biển là hiểm họa tự nhiên. Xả lũ từ hồ thủy điện, phá rừng là hiểm họa do con người.

Rủi ro thiên tai là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội

(Luật Phòng, Chống thiên tai của Việt Nam)

Ví dụ: Rủi ro thiên tai do bão gây ra có thể là nhà cửa bị tốc mái hoặc sập đổ; người dân bị thiệt mạng hoặc thương tích; thuyền đánh cá bị phá hỏng; cây trồng bị quật ngã, mùa màng thất thu, v.v

Giảm nhẹ rủi ro thiên tai (GNRRTT) là cách tiếp cận toàn diện nhằm giảm nhẹ nguy cơ mà thiên tai sẽ tác động đến con người, xã hội và nâng cao năng lực quản lý rủi ro. GNRRTT bao gồm việc nâng cao khả năng ứng phó và thích nghi với thiên tai.

(UNISDR)

Ví dụ: Tăng cường hệ thống cảnh báo sớm; Chủ động phòng tránh của người dân và cộng đồng; Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ; Các biện pháp công trình và phi công trình.

Quản lý rủi ro thiên tai (QLRRTT) là quá trình mang tính hệ thống nhằm áp dụng các quy định hành chính hiện hành, huy động tổ chức, cá nhân và kỹ năng cần thiết để thực hiện các chiến lược, chính sách và nâng cao năng lực ứng phó nhằm giảm thiểu tác động bất lợi của thiên tai và khả năng xảy ra thảm họa.

(UNISDR)

Ví dụ: Một số hoạt động QLRRTT: Xây dựng chiến lược phòng chống thiên tai trung hạn và dài hạn (ở các cấp có thẩm quyền); Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp, đánh giá rủi ro thiên tai, lập kế hoạch, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, v.v...

Tình trạng dễ bị tổn thương: *Những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng, môi trường hoặc tài sản dễ bị ảnh hưởng của các tác động bất lợi từ thiên tai.*

(UNISDR)

Ví dụ: Người dân xây dựng nhà ở những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét nhưng không được hướng dẫn hoặc không có thông tin; khu vực có nhiều nhà cấp 4 trong vùng bão, lũ; Người dân đánh bắt xa bờ nhưng không đủ thông tin liên lạc, tàu thuyền không đủ công suất.

Năng lực là tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong cộng đồng, tổ chức, xã hội có thể được sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu chung.

(UNISDR)

Ví dụ: Năng lực ứng phó (tổ chức di dời kịp thời, diễn tập, tổ chức thành lập các nhóm ứng phó nhanh, cứu hộ); Biện pháp công trình (nhà kiên cố, hệ thống đê điều); Biện pháp phi công trình (nâng cao ý thức của người dân, cộng đồng).

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là sự thay đổi của khí hậu diễn ra trong một khoảng thời gian dài, do nguyên nhân tự nhiên hoặc hoạt động của con người gây ra.

(UNISDR)

Ví dụ: Kể từ năm 1958 đến năm 2007, nhiệt độ trung bình năm ở Việt Nam tăng lên khoảng 0,5-0,7 độ C. Tính trung bình trong cả nước, lượng mưa trong 50 năm qua đã giảm khoảng 2%.³

Thích ứng với biến đổi khí hậu là sự điều chỉnh hệ thống tự nhiên và các hoạt động của con người nhằm giảm bớt các tác hại và tận dụng các cơ hội tốt theo xu thế dài hạn do BĐKH gây ra.

(IPCC)

Ví dụ: Đối với ngành nông nghiệp, để thích ứng với những thay đổi về khí hậu, Việt Nam đã có những chương trình chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi phù hợp, có khả năng chịu hạn, hoặc chịu úng, chịu mặn tốt hơn.

Giảm nhẹ biến đổi khí hậu là hoạt động của con người nhằm giảm bớt phát thải các loại khí nhà kính hoặc tăng cường các khu vực lưu trữ khí nhà kính

Ví dụ: Sử dụng năng lượng sạch như năng lượng mặt trời, không dùng than đá, giảm sử dụng xăng dầu, tiết kiệm điện, ủ phân hữu cơ và làm hầm biogas để xử lý các chất phế thải

³ Những biểu hiện thời tiết dị thường của biến đổi khí hậu ở Việt Nam (29/10/2012); <http://www.phongchonglutbaotphcm.gov.vn/?id=58&cid=4668>

trong sản xuất nông nghiệp, không đốt phế thải nông nghiệp (rơm, rạ, màng phủ ...) gây ô nhiễm v.v...

Chi tiết về biểu hiện Biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó BĐKH xem *Phụ lục 2*.

2.2 Khái niệm chính liên quan đến vấn đề về giới

Giới tính chỉ các đặc điểm sinh học của nam và nữ, (Luật Bình đẳng giới), được thể hiện bằng sự khác biệt cơ bản về cấu tạo cơ thể, các chức năng sinh sản của phụ nữ và nam giới.

Ví dụ: Phụ nữ có khả năng mang thai, có bầu sữa mẹ mà nam giới không có được...Giới tính không thể thay đổi được.

Giới chỉ những đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội. (Luật Bình đẳng giới). Những đặc điểm này được hình thành qua quá trình giáo dục, nuôi dưỡng. Đây là những đặc điểm mang tính văn hóa, xã hội.

Ví dụ: Phụ nữ cũng có thể mạnh mẽ và quyết đoán. Phụ nữ đã từng là những nhà lãnh đạo cấp cao trên thế giới và Việt Nam, phụ nữ có thể làm nhiều ngành nghề như phi công, thợ máy/kỹ sư.

Nam giới có thể nhẹ nhàng và kiên nhẫn, cũng có thể làm nội trợ, thợ may, chăm sóc con cái như nữ giới ...

Những đặc điểm này có thể hoán đổi cho nhau giữa nam và nữ và có thể thay đổi theo thời gian và không gian.

Vai trò giới là tập hợp các hành vi ứng xử mà xã hội mong đợi ở nam và nữ liên quan đến những đặc điểm giới tính và năng lực mà xã hội coi là thuộc về nam giới hoặc thuộc về nữ giới (trẻ em trai hoặc trẻ em gái) trong một xã hội hoặc một nền văn hoá cụ thể nào đó.

Tài liệu Tập huấn của Hội phụ nữ

Vai trò giới được chia làm 3 nhóm cơ bản: sản xuất, tái sản xuất và vai trò cộng đồng. Các vai trò của nam giới và phụ nữ cũng được phân công khác nhau trong công tác quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai được thể hiện trong Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: Vai trò giới

Các loại vai trò giới	Đặc điểm	Ví dụ
1. Vai trò sản xuất	Gồm các hoạt động làm ra sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ để tiêu dùng và trao đổi thương mại, góp phát triển kinh tế gia đình và xã hội.	Đi cà, đi cấy, sản xuất, kinh doanh tạo ra thu nhập. Trong phòng, chống thiên tai: thu hoạch mùa màng sớm, sơ tán gia súc, phòng chống dịch bệnh, gieo trồng, khôi phục sản xuất, cải tạo đất... Khi thiên tai xảy ra, khối lượng công việc của cả phụ nữ càng gia tăng vì nam giới có thể ra thành phố tìm việc, phụ nữ ở lại phải đảm nhiệm công việc của cả hai.
2. Vai trò tái sản xuất	Gồm các hoạt động duy trì nòi giống và tái tạo sức lao động.	Ví dụ: sinh con, chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ con, chăm sóc gia đình. Khi thiên tai xảy ra, phụ nữ là người chịu nhiều sức ép vì phải chăm lo gia đình trong điều kiện thiếu thốn. Tuy nhiên, nam giới cũng chịu áp lực trong việc đảm bảo thu nhập cho gia đình, khôi phục sản xuất và sửa chữa nhà cửa.
3. Vai trò cộng đồng	Gồm những công việc đòi hỏi sự tham gia tình nguyện, tiêu tốn thời gian và không nhìn thấy ngay kết quả được, có lúc được trả công và có lúc không.	Ví dụ: Cùng với nam giới, phụ nữ được coi là lực lượng chính đóng góp tích cực vào các hoạt động cộng đồng sau thiên tai như thăm hỏi động viên gia đình bị nạn trong thiên tai; huy động cộng đồng đóng góp lương thực, thực phẩm cứu trợ người bị nạn.

Cả nam và nữ đều có khả năng tham gia vào cả ba loại vai trò trên. Tuy nhiên, ở Việt Nam, phụ nữ hầu như đều phải đảm nhiệm cả vai trò tái sản xuất và các hoạt động sản xuất. Gánh nặng công việc gia đình của phụ nữ hạn chế họ tham gia một cách tích cực và thường xuyên vào các hoạt động cộng đồng. Trong khi đó, nam giới có nhiều thời gian và cơ hội hơn để đảm nhận vai trò cộng đồng và hoạt động sản xuất.

Sự hiểu biết sâu sắc về vai trò giới giúp xác định các hoạt động hỗ trợ phù hợp cho cả nam và nữ, từ đó thu hút được sự tham gia một cách hiệu quả, đồng thời góp phần giảm bất bình đẳng giới trong việc phân chia lao động xã hội.

Định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.

(Luật Bình đẳng giới)

Ví dụ: Quan niệm cho rằng “người phụ nữ không thể tham gia vào các hoạt động quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, phụ nữ bị coi là một trong những đối tượng cần quan tâm đặc biệt trong thiên tai”. Đó là một quan niệm mang định kiến giới.

- 1. Bình đẳng giới** là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

(Luật Bình đẳng giới)

Công bằng giới là sự đối xử hợp lý với nam và nữ dựa trên việc thừa nhận các khác biệt giới tính nhằm đảm bảo cho nam, nữ có cơ hội và điều kiện tham gia và hưởng lợi một cách bình đẳng.

Trong khi Bình đẳng giới là mục đích cuối cùng mà xã hội, cộng đồng cùng hướng tới thì Công bằng giới là phương tiện, quá trình để thực hiện Bình đẳng giới.

- 2. Bất bình đẳng giới** là sự phân biệt đối xử với nam, nữ về vị thế, điều kiện và cơ hội bất lợi cho nam, nữ trong việc thực hiện quyền con người, đóng góp và hưởng lợi từ sự phát triển của gia đình, của đất nước.

(Luật Bình đẳng giới)

Một số vấn đề về giới trong QLRRTT ở Việt Nam⁴

- Phụ nữ tham gia hạn chế trong các tổ chức, đơn vị/bộ máy làm công tác quản lý rủi ro thiên tai, trong quá trình ra quyết định và xây dựng chương trình, lập kế hoạch;
- Nhu cầu của phụ nữ chưa được phản ánh và đáp ứng trong quá trình lập kế hoạch phòng, chống thiên tai. Phụ nữ vẫn bị coi là nạn nhân hơn là lực lượng tích cực trong phòng chống thiên tai;
- Hầu như không có một kế hoạch, hành động cụ thể hóa việc giảm tình trạng bất bình đẳng giới trong chính sách PCTT của Việt nam. Mọi vấn đề giới đều không được đề cập hoặc quá chung chung.

Lồng ghép giới là biện pháp nhằm đưa mối quan tâm và kinh nghiệm của nữ giới và nam giới trở thành mục tiêu xuyên suốt quá trình hoạt động thuộc tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội, để phụ nữ và nam giới đều có thể được hưởng lợi như nhau.

Mục tiêu cao nhất của lồng ghép giới là đạt được sự bình đẳng giới.

Thế giới coi đây là biện pháp chiến lược để thực hiện bình đẳng giới.

⁴ Báo cáo nghiên cứu của Oxfam và Hội phụ nữ, 2013

2.3 Lợi ích và nội dung của việc lồng ghép giới

Lợi ích của việc lồng ghép giới trong giảm nhẹ thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu⁵:

- Tận dụng năng lực và sự đóng góp của cả nam giới và nữ giới vào sự phát triển của đất nước.
- Tránh những ảnh hưởng không mong muốn có thể làm gia tăng sự bất bình đẳng giới và đói nghèo mà các chính sách liên quan tới Thích ứng Biến đổi khí hậu (TỦĐKH)/ Giảm nhẹ rủi ro thiên tai (GNRRTT) đem lại.
- Nâng cao vai trò và vị thế cho phụ nữ, cải thiện điều kiện sống cho gia đình và cộng đồng; giúp cả phụ nữ và nam giới được an toàn hơn.
- Đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ hơn với các chính sách xã hội/giới hiện hành, các cam kết về giới và quyền con người, nhờ đó đóng góp vào việc đạt được bình đẳng giới và các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) cũng như các mục tiêu phát triển bền vững.

Những nội dung lồng ghép giới⁶:

- Nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới cho phụ nữ và nam giới trong cộng đồng và cho các nhà quản lý.
- Thu thập thông tin và số liệu tổng hợp có tách biệt nam nữ về tình trạng DBTT và năng lực của họ trong giảm nhẹ thiên tai; Xác định những nhóm dân cư dễ bị tổn thương như: phụ nữ nghèo, phụ nữ mang thai, phụ nữ thuộc dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người già cô đơn...
- Sử dụng các công cụ phân tích giới để phát hiện những bất bình đẳng giới, khoảng cách giới liên quan tới việc tiếp cận, sử dụng các nguồn lực, ví dụ như ra quyết định và những nhu cầu, tình trạng dễ bị tổn thương khác nhau của phụ nữ và nam giới trong từng bối cảnh thiên tai cụ thể.
- Đưa vấn đề giới vào các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để giải quyết các vấn đề của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai.
- Khuyến khích phụ nữ tham gia chủ động và chú ý đến vai trò của họ trong công tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai và lập kế hoạch TỦĐKH.

2.4 Các nhóm dễ bị tổn thương

Theo Luật phòng, chống Thiên tai, nhóm đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm: trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo.

Với mỗi nhóm đối tượng, cần chú trọng đến nhu cầu, năng lực của từng nhóm để có các giải pháp hỗ trợ kịp thời trong thiên tai, hiệu quả và đảm bảo công bằng xã hội, mang tính nhân văn.

⁵ Trích “Tóm lược gợi ý chính sách Bình đẳng giới trong công tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với Biến đổi khí hậu” - UNDP và Oxfam

⁶ Trích từ tài liệu tập huấn “Lồng ghép giới vào quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu” của Hội phụ nữ, 2012.

Người khuyết tật được xem là một trong những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong thiên tai. Trong các chương trình và hoạt động quản lý rủi ro thiên tai, cần tạo cơ hội cho người khuyết tật cùng nhau tìm hiểu về thiên tai, về tình trạng dễ bị tổn thương và những gì được xem là năng lực của họ trước thiên tai, đồng thời tăng cường việc tiếp cận thông tin nhằm tạo điều kiện cho họ tham gia vào quá trình ra quyết định trong hoạt động lập kế hoạch⁷.

Các dân tộc thiểu số thường là những thành phần yếu thế và dễ bị tổn thương nhất. Tình trạng kinh tế, xã hội, và pháp lý của họ thường khiến họ bị hạn chế về khả năng bảo vệ các quyền về đất, lãnh thổ, và những nguồn sản xuất khác, đồng thời hạn chế khả năng tham gia và hưởng lợi của họ trong phát triển⁸. Họ thường sống trong các điều kiện bị tách biệt. Về mặt địa lý, họ thường ở các vùng sâu, vùng xa, khu vực miền núi. Về thông tin, họ ít có điều kiện tiếp cận với các nguồn tin do rào cản ngôn ngữ hoặc phương tiện nghe, nhìn. Người dân tộc cũng chiếm đa số trong số người nghèo trên cả nước.

2.5 Văn hóa bản địa trong quản lý rủi ro thiên tai

Truyền thống văn hóa địa phương là yếu tố được chú trọng trong phòng, chống thiên tai. Xã hội truyền thống có hàng nghìn năm kinh nghiệm để nhận biết các dấu hiệu cảnh báo sớm của thiên tai. Tuy nhiên, do tác động của biến đổi khí hậu mà những kinh nghiệm lịch sử không phải lúc nào cũng chính xác. Vì vậy, việc phối hợp kiến thức khoa học và kinh nghiệm là cần thiết.

Có thể nhận thấy nhiều cộng đồng mang yếu tố tâm linh khi giải thích các hiện tượng thời tiết bất thường, thiên tai. Ví dụ, một số cộng đồng xem lũ lụt là hình phạt của ông trời đối với những tội lỗi họ mắc phải, một số khác lại xem đó là hậu quả nghiệp chướng do những linh hồn oan khuất bị quên lãng...(CECI, 2009).

Đặc trưng văn hóa và kiến thức của người bản địa về thiên tai cần được xem như một phần di sản văn hóa cộng đồng và do đó cần được tôn trọng. Văn hóa truyền thống của nhiều dân tộc thiểu số đang bị đe dọa do quá trình hiện đại hóa. Do đó, để có thể gìn giữ những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp, tăng tính sở hữu của cộng đồng cần lưu ý đến các vấn đề tín ngưỡng, văn hóa của người địa phương trong quá trình thực hiện các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Một trong những mục đích của Tài liệu này là giúp cán bộ và các thành viên trong cộng đồng nhận thức đúng đắn về thiên tai và có sự chuẩn bị phòng ngừa trước khi thiên tai xảy ra trên cơ sở nhận thức đó, hướng tới một cộng đồng an toàn, vững mạnh.

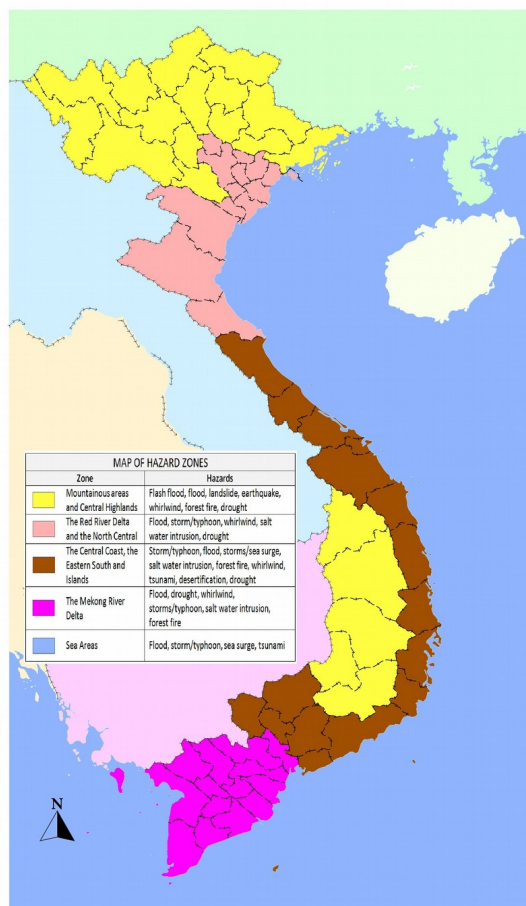
⁷ An toàn cho chúng tôi và cho cả cộng đồng-Tiếng nói của người khuyết tật của Malteser

⁸ Khung chính sách dân tộc thiểu số, dự án cải thiện nông nghiệp có tuổi, Bộ NNPTNT, 6/2013

2.6 Phân vùng địa lý các loại hình thiên tai và BĐKH ở Việt Nam

Vị trí địa lý của Việt Nam và điều kiện địa hình đã tạo nên những đặc điểm khí hậu riêng biệt mà từ đó dẫn tới sự phân chia các loại hình thiên tai, trong đó có một số thiên tai có khả năng gây nên những thiệt hại nghiêm trọng. Tùy theo đặc điểm riêng của từng vùng, có loại thiên tai xảy ra quanh năm và các loại thiên tai điển hình theo mùa với những đặc điểm riêng của từng vùng.

Theo Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, Việt Nam được chia thành 5 vùng thiên tai, như Bảng 2 dưới đây:



Bảng 2: Phân vùng thiên tai ⁹

Vùng địa lý	Các dạng thiên tai chính
1. Đồng bằng Bắc bộ và khu vực Bắc Trung Bộ	Lũ sông, bão, nước dâng do bão ở ven biển, hạn hán, xâm nhập mặn.
2. Vùng duyên hải miền Trung, miền Đông Nam Bộ và hải đảo	Bão, nước dâng, lũ quét, hạn hán, xâm nhập mặn.
3. Đồng bằng sông Cửu Long	Lũ chậm, bão, triều cường, nước dâng do bão, xâm nhập mặn.
4. Miền núi và Tây nguyên	Lũ quét, sạt lở đất, hạn hán
5. Trên biển	Bão, nước dâng do bão

Cũng như tình hình chung trên thế giới, ở Việt Nam, BĐKH đang tác động tới tất cả các vùng miền và các lĩnh vực về tài nguyên, môi trường và kinh tế - xã hội. Trong đó, tài nguyên nước, sản xuất nông nghiệp, sức khỏe cộng đồng chịu các tác động mạnh mẽ nhất

⁹ Chiến lược quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.

PHẦN 3: GIỚI THIỆU QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

3.1 Khái niệm cộng đồng

Cộng đồng là một nhóm người cùng có một hoặc nhiều điểm chung, như cùng môi trường sống, nơi sống, cùng chịu rủi ro thiên tai hoặc cùng chịu ảnh hưởng thiên tai.

Tuy nhiên, cộng đồng không phải là một thể đồng nhất, mỗi nhóm dân cư có những đặc điểm riêng và nhu cầu không như nhau trong ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.



(Trong tài hướng dẫn này thuật ngữ cộng đồng để mô tả người dân sống trong cùng xã, làng/thôn/bản/ấp.

3.2 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là một quá trình trong đó người dân trong cộng đồng đang phải đối mặt với rủi ro thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu, tham gia tích cực vào việc xác định và phân tích các rủi ro thiên tai, lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động nhằm mục đích giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng ứng phó, thích nghi của cộng đồng với tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu.

QLTTCĐ xuất phát từ những vấn đề thực tiễn sau:

- **Không ai hiểu biết về các vấn đề địa phương bằng chính người dân** sống trong cộng đồng đó, nhất là khi cuộc sống và lợi ích của họ bị đe dọa;
- Người dân địa phương **hiểu cơ hội cũng như hạn chế của mình hơn** những người bên ngoài do đó họ có thể đề xuất cách giải quyết phù hợp cho các vấn đề của mình;
- **Người dân là nguồn lực dồi dào và quý giá nhất của mỗi cộng đồng**, nguồn lực này cần được khai thác và phát triển;

Chỉ khi chính quyền địa phương cùng với người dân thực hiện các biện pháp GNRRTT thì mới hiểu rõ giá trị của môi trường, tạo được cộng đồng an toàn và phát triển bền vững.

3.3 Mục đích

Mục đích của quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (QLTTCD) là tạo ra sự chuyển biến tích cực từ một “cộng đồng dễ bị tổn thương” sang “cộng đồng cùng nhau phòng ngừa, ứng phó và phục hồi” bằng cách sử dụng nguồn lực do cộng đồng tự huy động.

3.4 Đặc điểm

Các đặc điểm chính của QLTTCD gồm:

- Các thành viên nam, nữ trong cộng đồng chủ động trong phòng chống thiên tai. Ưu tiên các giải pháp hỗ trợ cho nhóm người dễ bị tổn thương nhất trước thiên tai.
- Bản chất của QLTTCD là giải quyết các yếu tố làm gia tăng rủi ro thiên tai, đặc biệt là các nguyên nhân gốc rễ của tình trạng dễ bị tổn thương. Trong đó, chiến lược quan trọng nhất là nâng cao năng lực của cộng đồng.
- QLTTCD kết nối nhiều bên liên quan với nhau từ cấp quốc gia đến cấp địa phương đối với giảm nhẹ rủi ro thiên tai.
- QLTTCD là một quá trình luôn phát triển và linh hoạt tùy thuộc vào tình hình cụ thể của địa phương. QLTTCD được xây dựng trên cơ sở những bài học thực tế của cộng đồng, những kinh nghiệm và kiến thức bản địa, đồng thời kết hợp với khoa học công nghệ.
- Vai trò hỗ trợ của cơ quan trung ương và các tổ chức xã hội đối với QLTTCD là rất quan trọng. Tuy nhiên sự chỉ đạo và trách nhiệm của chính quyền địa phương đặc biệt là cấp xã đối với QLTTCD phải được đặt lên hàng đầu.

3.5 Nguyên tắc

Tùy thuộc vào đặc điểm của cộng đồng vùng thiên tai; vào loại hình thiên tai khác nhau ở địa phương mà chính quyền có cách thực hiện quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng khác nhau. Tuy nhiên, thực hiện quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đều phải dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau¹⁰:

- Khuyến khích và huy động sự tham gia tích cực, chủ động của các thành phần dân cư trong cộng đồng vào công tác quản lý rủi ro thiên tai;
- Tính đến các nhận thức khác nhau về rủi ro; tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực của các thành viên nam, nữ trong cộng đồng;
- Tạo cơ hội bình đẳng cho nam, nữ của các nhóm dễ bị tổn thương tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai;
- Chia sẻ thông tin liên quan đến quản lý rủi ro thiên tai kịp thời và minh bạch;
- Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả;
- Nhà nước, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm phòng, chống thiên tai;
- Áp dụng phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện và vật tư tại chỗ; và hậu cần tại chỗ;

¹⁰ Tham khảo Luật phòng, chống thiên tai

- Lồng ghép nội dung phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- Bảo đảm tính nhân đạo, công bằng, minh bạch và bình đẳng giới.
- Kết hợp sử dụng kinh nghiệm truyền thống với tiến bộ khoa học và công nghệ; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình; bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Phân công, phân cấp, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các bên có liên quan và các thành viên nam, nữ trong cộng đồng phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai.

3.6 Quy trình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Quy trình QLTTCD bao gồm 6 bước sau:

Bước 1: Giới thiệu về QLTTCD

Bước 2: Chuẩn bị

Bước 3: Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Bước 4: Xây dựng kế hoạch GNRRTT

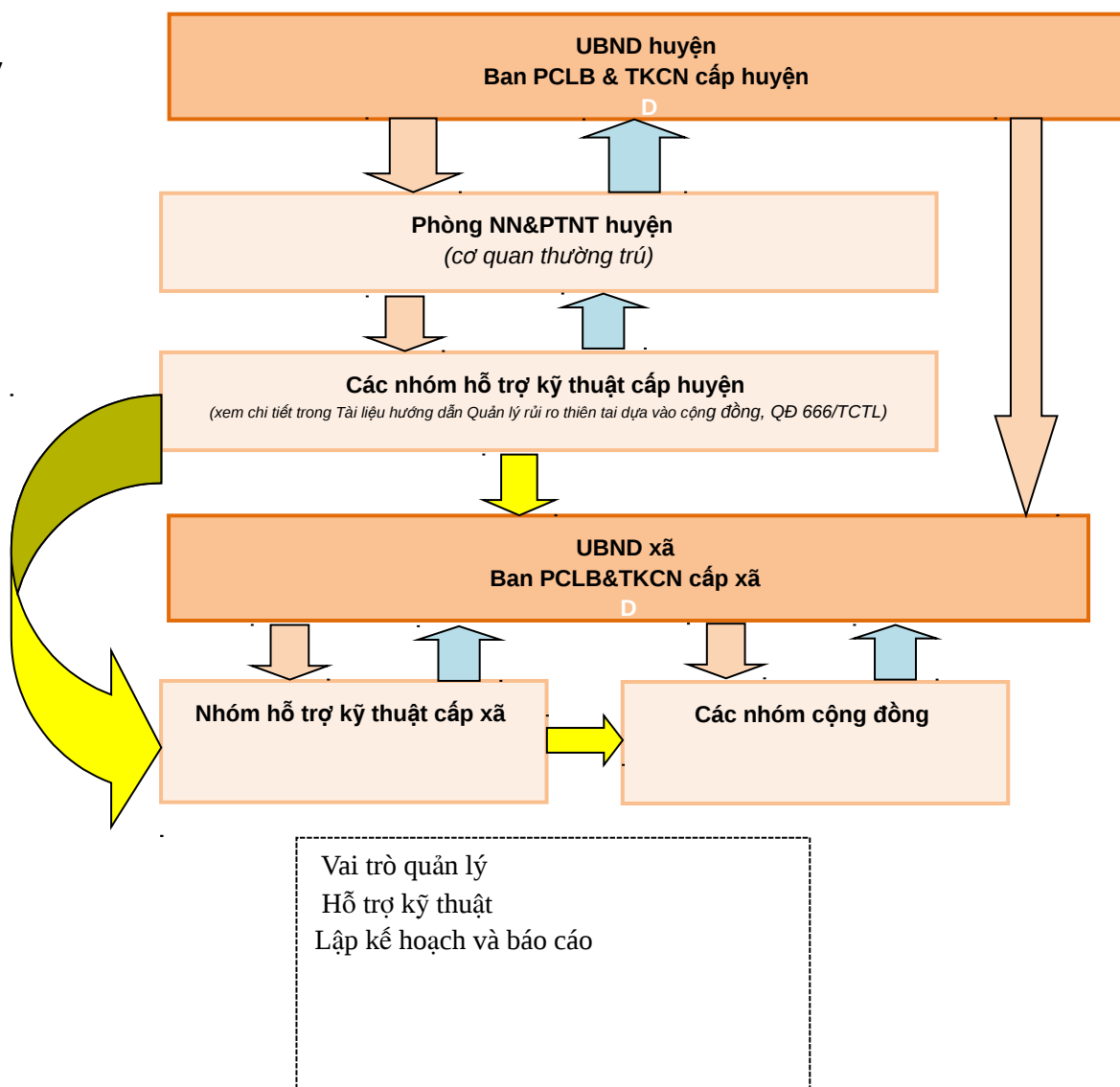
Bước 5: Thực hiện kế hoạch GNRRTT

Bước 6: Theo dõi và đánh giá có sự tham gia

Chi tiết hướng dẫn thực hiện các bước xem trong phần 4.

Các bên liên quan trong Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng¹¹:

3.7



Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại Việt Nam

Hàng ngàn năm nay, công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đã có sự tham gia và đóng góp to lớn của nhân dân. Tuy nhiên, từ năm 2000, phương pháp tiếp cận Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được áp dụng tại Việt Nam với quy mô nhỏ do các tổ chức quốc tế thực hiện, đặc biệt là các tổ chức Phi chính phủ và các tổ chức xã hội tại Việt Nam. Từ những kết quả đã đạt được và những bài học kinh nghiệm qua việc tổ chức thực hiện, nhiều tài liệu tập huấn, hướng dẫn đã được xây dựng và sử dụng. Hàng ngàn cán bộ các cấp đã được tiếp cận với phương pháp này¹².

Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp tiếp cận QLTTCD, Chính phủ đã phê duyệt “**Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng**” theo Quyết định 1002/QĐ-TTg, tháng 7/2009.

¹¹ Sổ tay Hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, JANI 2012

¹² “Hướng dẫn tổ chức thực hiện Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng” do Tổng cục Thủy lợi ban hành tại Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐĐ ngày 22/8/2011

Mục tiêu của đề án: Nâng cao nhận thức cộng đồng và tổ chức hiệu quả mô hình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho các cấp, ngành để giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững.

Đề án có hai hợp phần:

Hợp phần I: Nâng cao năng lực về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.

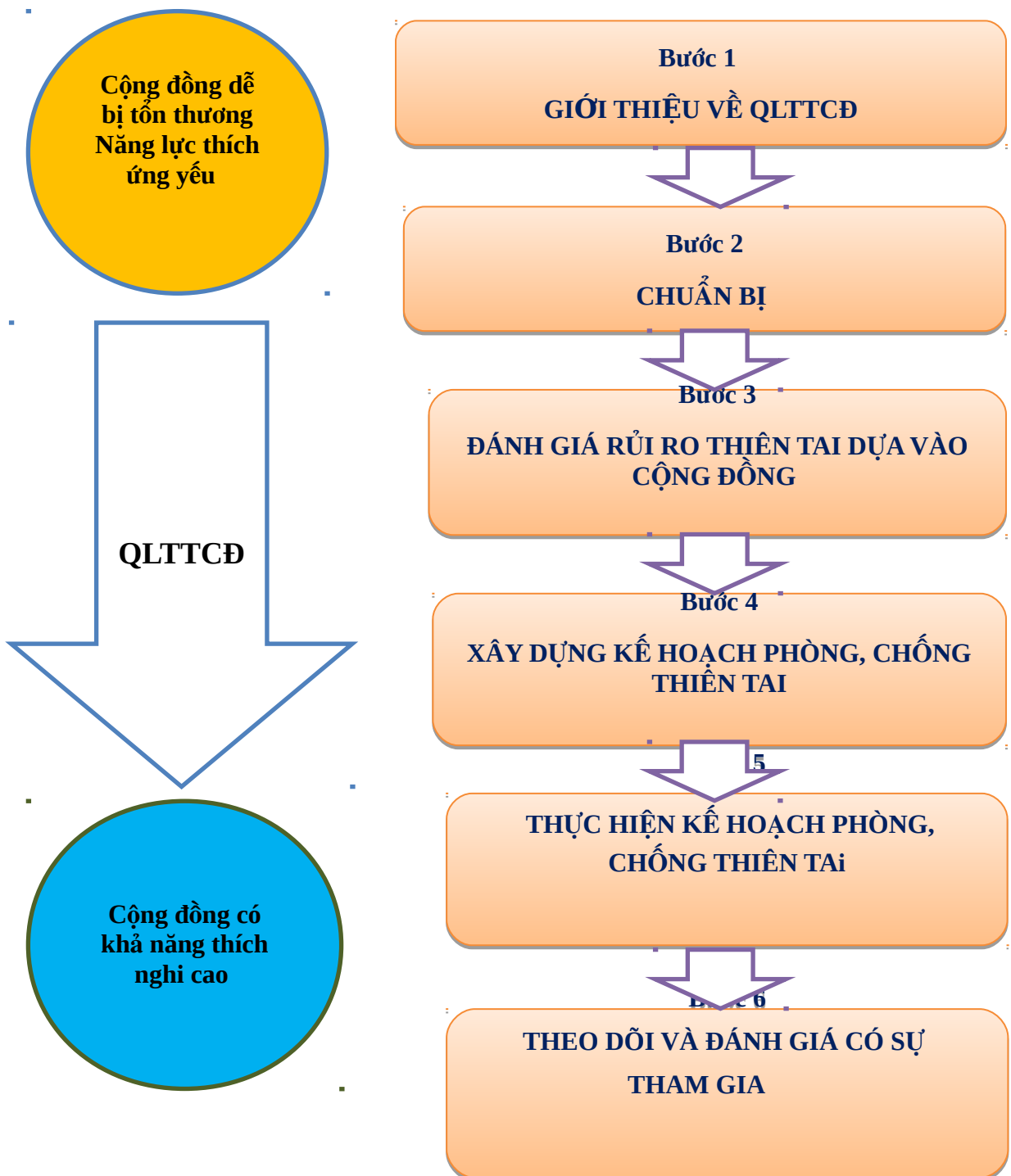
Hợp phần II: Tăng cường truyền thông giáo dục, nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai

Thời gian thực hiện: từ 2009 đến 2020.

Xem *Phụ lục 5* các thông tin chi tiết về Đề án 1002.

PHẦN 4: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BƯỚC QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Sơ đồ tóm tắt 6 bước thực hiện QLTTCD



Bước 1: Giới thiệu về QLTTCD

Mục đích

- Giới thiệu chương trình và nội dung thực hiện QLTTCD cho chính quyền cấp xã, các tổ chức kinh tế xã hội và người dân để phối hợp thực hiện tốt QLTTCD;
- Định hướng các nội dung thực hiện Chương trình tại địa phương.

Công việc thực hiện

Ban Chỉ huy PCLB Tỉnh/Huyện phối hợp với UBND xã tổ chức cuộc họp định hướng cho lãnh đạo cấp xã và các cán bộ bao gồm:

- Giới thiệu Đề án 1002 của chính phủ (phạm vi chương trình, mục tiêu và nội dung) và tóm tắt nội dung các văn bản liên quan như Luật phòng chống thiên tai, Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;
- Xác định kết quả mong đợi đạt được của chương trình tại xã, phương pháp tiếp cận và xây dựng kế hoạch thực hiện;
- Xác định các cơ hội hợp tác và phối hợp giữa các bên có liên quan (*xem Sơ đồ trong 3.6*).

Kết quả cần đạt được

- Chính quyền, cộng đồng, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương và các bên liên quan có được thông tin đầy đủ, hiểu rõ Chương trình để phối hợp thực hiện tốt các hoạt động QLTTCD tại xã, thôn/bản/ấp.

Bước 2: Chuẩn bị

Mục đích

- Xây dựng hệ thống tổ chức và tăng cường năng lực triển khai chương trình QLTTCD gồm chính quyền cấp xã, các tổ chức xã hội, đoàn thể tại địa phương nhằm thực hiện mục tiêu và kết quả của chương trình một cách bền vững.
- Chuẩn bị thành lập Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng; Thống nhất cách thức và cơ chế hoạt động của nhóm;
- Chuẩn bị xây dựng kế hoạch để huy động nguồn lực bao gồm nhân sự và tài chính nhằm triển khai thực hiện;

Công việc thực hiện

- Thành lập các nhóm công tác

Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật: UBND cấp xã chịu trách nhiệm thành lập. Nhóm này phải có sự tham gia của các tổ chức xã hội như Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Hội chữ thập đỏ, đại diện tổ chức tôn giáo và dân tộc thiểu số (đảm bảo tỷ lệ nữ chiếm ít nhất 30%).¹³

¹³ “Hướng dẫn tổ chức thực hiện Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng” do Tổng cục Thủy lợi ban hành tại Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐĐ ngày 22/8/2011.

Nhóm cộng đồng: do người dân tự bầu; phối hợp chặt chẽ với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã triển khai các hoạt động tại cộng đồng.

Nhiệm vụ chi tiết của các nhóm xem *Phụ lục 4*.

▪ **Nâng cao năng lực cho Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng**

UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ cấp xã, nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng (ví dụ như các lớp tập huấn về Quản lý rủi ro thiên tai, đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, lập sơ họa bản đồ thiên tai...). Lưu ý sử dụng lực lượng đã được tập huấn làm tập huấn viên.

▪ **Lập kế hoạch chi tiết**

Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng lập Kế hoạch thực hiện QLTTCD chi tiết gồm các nội dung: Hoạt động cụ thể, người thực hiện, người chịu trách nhiệm, thời gian thực hiện (thời gian bắt đầu, kết thúc), nguồn kinh phí và theo dõi, giám sát.

Kết quả cần đạt được

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã được thành lập theo quyết định của UBND cấp xã;
- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật nắm được quy định và hiểu rõ nhiệm vụ, cơ chế điều phối và phối hợp;
- Nhóm kỹ thuật và nhóm cộng đồng nắm vững kiến thức cơ bản và kỹ năng về thực hiện QLTTCD;
- Bản kế hoạch phân công nhiệm vụ chi tiết được xây dựng (In khổ giấy A0 treo tại UBND xã).

Bước 3: Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Mục đích

- Xác định những thiên tai xảy ra tại địa phương (loại hình, đặc điểm, xu hướng), vùng, nhóm người dễ bị tổn thương, dễ bị tác động do thiên tai và năng lực phòng chống thiên tai của cộng đồng;
- Xác định được những vấn đề về giới trong quá trình quản lý rủi ro thiên tai tại cộng đồng;
- Cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch phòng, chống thiên tai và là cơ sở lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương.
- Nâng cao nhận thức và năng lực cho người dân và cán bộ địa phương về phòng, chống thiên tai.



Công việc thực hiện

- **Tổ chức và thực hiện đánh giá:** Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã/phường tổ chức Đánh giá rủi ro thiên tai tại cộng đồng để thu thập, phân tích thông tin, số liệu và đưa ra các kết quả đánh giá. Nhóm hỗ trợ kỹ thuật kết hợp chặt chẽ với chính quyền xã và cộng đồng địa phương trong quá trình thực hiện.

- **Báo cáo đánh giá:** Nhóm hỗ trợ kỹ thuật tổng hợp thông tin đánh giá rủi ro thiên tai có sự tham gia từ các thôn/bản/ấp/tổ dân phố để viết báo cáo và tham vấn với các nhóm cộng đồng, UBND và BCH PCLB&TKCN cấp xã để hoàn thiện báo cáo làm cơ sở cho xã xây dựng kế hoạch trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Kết quả cần đạt được

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã/phường được thành lập theo quyết định của UBND xã/phường, có sự tham gia của các thành viên nam, nữ thuộc các nhóm DBTT tại các cấp tương ứng;
- Thu thập được thông tin về cộng đồng, các loại thiên tai, rủi ro thiên tai tại địa phương và tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực của cộng đồng có yếu tố giới;
- Báo cáo kết quả đánh giá rủi ro thiên tai có đầy đủ ý kiến, đề xuất giải pháp giảm rủi ro thiên tai của cộng đồng, đặc biệt nhóm dễ bị tổn thương nhất;

Nội dung, các bước thực hiện đánh giá, công cụ đánh giá và các mẫu đánh giá kết quả được trình bày chi tiết trong Phần 5 và tài liệu “Hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”.

Bước 4: Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ RRTT dựa vào cộng đồng

Mục đích

- Xây dựng kế hoạch GNRRTT thông qua quy trình có sự tham gia của cộng đồng;
- Lồng ghép GNRRTT vào kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm của xã.

Công việc thực hiện

- Tổng hợp báo cáo các thông tin từ đánh giá rủi ro thiên tai của các thôn/bản/ấp;
- Dự thảo kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã;
- Tổ chức hội nghị tham vấn về Dự thảo kế hoạch có sự tham gia đầy đủ của đại diện các bên liên quan;
- Hoàn thiện bản Kế hoạch phòng, chống thiên tai và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Kết quả cần đạt được

- Huy động được sự tham gia của cộng đồng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tại địa phương;
- Cộng đồng, chính quyền và các bên liên quan thống nhất các biện pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai phù hợp với các đối tượng dễ bị tổn thương trong cộng đồng, đảm bảo bình đẳng giới, đồng thời gắn với định hướng phát triển kinh tế, xã hội cấp xã;
- Bản kế hoạch phòng, chống thiên tai có sự tham gia của cộng đồng được chính thức phê duyệt.

Chi tiết quy trình lập kế hoạch xem Phần 5- Lập kế hoạch phòng, chống thiên tai.

Bước 5: Thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai

Mục đích

Triển khai các hoạt động trong Kế hoạch hàng năm được phê duyệt.

Công việc thực hiện

- UBND cấp xã thông báo cho người dân về các hạng mục, hoạt động thực hiện trong năm và giải trình các hạng mục mà người dân đề nghị nhưng chưa được thực hiện.
- Huy động người dân tham gia vào quá trình thực hiện thông qua Nhóm cộng đồng.
- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng thông báo tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch thông qua các cuộc họp thôn và hệ thống phát thanh. Mọi góp ý của người dân cần được tổng hợp và xem xét.

Kết quả cần đạt được

- Kế hoạch được thông báo rộng rãi cho người dân và các bên liên quan tham gia thực hiện nhiệm vụ được phân công;
- Kế hoạch được thực hiện theo đúng quy trình, đạt hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ với sự tham gia của người dân và hỗ trợ của các bên liên quan;
- Giảm TTDBTT, giảm nghèo và cải thiện điều kiện phát triển kinh tế của địa phương.

Bước 6: Giám sát, đánh giá có sự tham gia

Mục đích

- So sánh các chỉ tiêu trong kế hoạch so với dự kiến ban đầu;
- Rút ra bài học kinh nghiệm; Tạo ra một cơ chế thu nhận và phản hồi thông tin thường xuyên từ cộng đồng;
- Đảm bảo các thành viên nam, nữ và các nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng được hưởng lợi bình đẳng.

Công việc thực hiện

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng các chỉ tiêu giám sát, đánh giá;
- Tổ chức thảo luận và thống nhất về kế hoạch giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện các hạng mục, bao gồm nội dung và kế hoạch tham gia của Nhóm cộng đồng;
- Thông báo rộng rãi nội dung kế hoạch giám sát, đánh giá cho cộng đồng biết để phối hợp;
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ nghe báo cáo giám sát, đánh giá và thông báo kết quả các cuộc họp ở cấp xã và thôn/ấp.

Kết quả cần đạt được

- Kế hoạch giám sát, đánh giá có sự tham gia của cộng đồng được hoàn thiện thông qua các tiêu chí đã thống nhất.



- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh được các hoạt động giảm nhẹ RRTT bảo đảm đúng tiến độ, hiệu quả và chất lượng.

5.1 Tổ chức đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

5.1.1 Khái niệm

Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là quá trình **thu thập, tổng hợp và phân tích** thông tin có sự tham gia của người dân về: thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu đã hoặc có nguy cơ xảy ra; tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng ngừa, ứng phó và phục hồi sau thiên tai nhằm xác định mức độ rủi ro thiên tai của cộng đồng, từ đó đưa ra những giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai phù hợp. Đánh giá rủi ro thiên tai do chính quyền cấp xã và nhóm hỗ trợ kỹ thuật tổ chức và phối hợp với người dân thực hiện.

5.1.2 Nội dung đánh giá rủi ro thiên tai

Đánh giá hiểm họa/thiên tai

Đánh giá về thiên tai là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về các loại thiên tai đã và có thể xuất hiện tại địa phương, phạm vi chịu tác động và xác định những hiện tượng thời tiết bất thường đã xảy ra trong những năm gần đây (5-10 năm).

Nội dung đánh giá chính bao gồm:

- Xác định loại hình thiên tai và ảnh hưởng của BĐKH đến cộng đồng;
- Phân tích đặc điểm của các loại thiên tai theo các tiêu chí: thời gian xảy ra, dấu hiệu báo trước, số lần xuất hiện, mức độ tác động, nguyên nhân gây ra thiên tai và xu hướng tăng/giảm của các loại thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu.



Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực và nhận thức của người dân về rủi ro thiên tai

Trong đánh giá TTDBTT và năng lực, thông tin cần được thu thập gồm bảy lĩnh vực: An toàn; Cộng đồng; Sức khỏe; Vệ sinh; Môi trường; Sản xuất và Kinh doanh.

Mỗi lĩnh vực trên được đánh giá trên 3 khía cạnh: 1) Vật chất, 2) Tổ chức/xã hội, 3) Thái độ/động cơ

Vật chất/Phương tiện bao gồm các thông tin về:

- Vị trí nhà cửa và đất ruộng của người dân và cộng đồng
- Kết cấu và vật liệu xây dựng nhà, công trình, ...

- Tình trạng hạ tầng cơ sở (đường giao thông, đê, kè,...); các dịch vụ cơ bản (y tế, trường học, nước sạch, vệ sinh ...)
- Phương tiện phục vụ sản xuất (vật tư nông ngư nghiệp, nông ngư cụ, vốn, giống cây trồng, vật nuôi, công cụ sản xuất hàng thủ công...)
- Các chính sách, chương trình, ... hỗ trợ phát triển sản xuất và các hoạt động kinh tế
- Mức độ an toàn của các hoạt động sinh kế
- Sự phụ thuộc vào nguồn lực tự nhiên của các hoạt động sinh kế.

Tổ chức/Xã hội bao gồm các thông tin về:

- Mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và cộng đồng;
- Mức độ và cơ hội tham gia của các thành viên nam/nữ vào các hoạt động (chính trị, xã hội,...) trong cộng đồng;
- Khả năng lãnh đạo và tổ chức của chính quyền địa phương khi giải quyết các mâu thuẫn trong cộng đồng;
- Xung đột, lý do xung đột (sắc tộc, giới, địa vị xã hội hoặc tôn giáo, hệ tư tưởng);
- Trình độ dân trí, thói quen tập tục;
- Các tổ chức, đoàn thể quần chúng tại cộng đồng có kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Mức độ quan hệ giữa chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội tại địa phương;

Thái độ/Động cơ bao gồm các thông tin về:

- Mức độ lạc quan/bi quan, chủ động/thụ động, chấp nhận/lệ thuộc số phận, ... của cộng đồng;
- Sự hợp tác, đoàn kết/thiếu đoàn kết, quan tâm, thống nhất, và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau;
- Tư tưởng, thái độ tích cực/tiêu cực;
- Tính sáng tạo/thiếu sáng tạo và tinh thần đấu tranh;
- Các hoạt động tín ngưỡng mang tính tích cực/ tiêu cực, hỗ trợ/cản trở.

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là quá trình thu thập và phân tích thông tin về các rủi ro mà từng loại thiên tai có thể gây ra cho các nhóm dân cư, cơ sở hạ tầng, hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội có tách biệt thông tin riêng đối với phụ nữ và nam giới.

Nội dung đánh giá chính bao gồm:

- Xác định xem những thành phần, các hộ gia đình, các nhóm đối tượng nào có nhiều nguy cơ bị tác động bị rủi ro;
- Tiến hành phân tích những nguyên nhân cơ bản, nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương.

Đánh giá năng lực

Đánh giá năng lực là thu thập các thông tin về các nguồn lực, các kỹ năng sẵn có của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng giúp họ phòng ngừa, giảm nhẹ và ứng phó với thiên tai. Xác định xem các nguồn lực này do ai đang quản lý và sử dụng như thế nào.

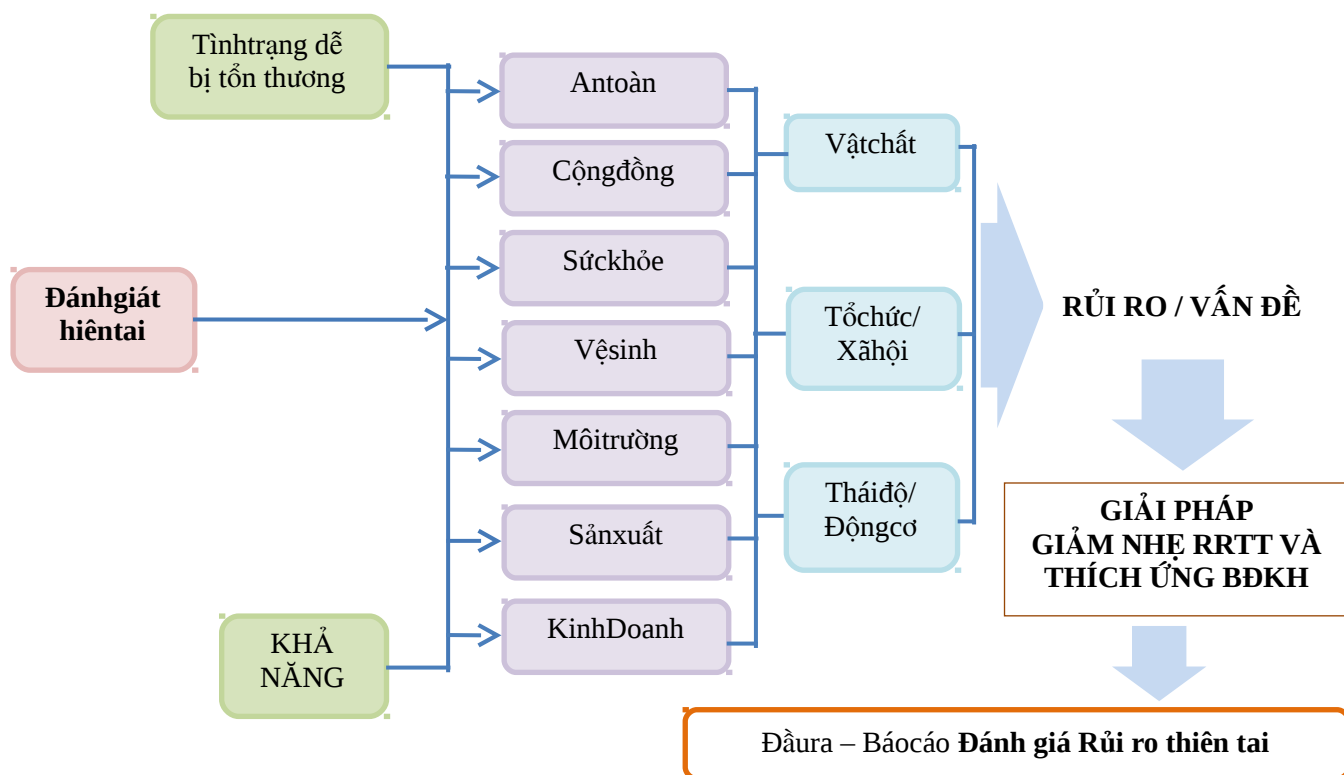
Nội dung đánh giá chính bao gồm: xác định được các nguồn lực kinh tế gia đình/cộng đồng và các kế hoạch ứng phó.

Đánh giá mức độ nhận thức của người dân về rủi ro

Đánh giá nhận thức của người dân về rủi ro là việc phân tích các thông tin để hiểu được cách thức người dân nhận biết được các rủi ro đến mức độ nào và các quan điểm, cách xử lý của người dân trước rủi ro, từ đó tìm ra các giải pháp phù hợp.

Qua thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực, cộng đồng xác định được những thiệt hại mà từng loại thiên tai có thể gây ra cho cộng đồng (xác định rủi ro thiên tai), nhận thức khác nhau của người dân về rủi ro thiên tai (kiến thức, tập quán, văn hóa, dân tộc, giới...).

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và sự sắp xếp theo trình tự về mức độ rủi ro thiên tai của cộng đồng. Kết quả này được cộng đồng biết và là cơ sở quan trọng để lập kế hoạch phòng, chống thiên tai.



5.1.3 Các bước thực hiện

Bước 1: Chuẩn bị

Tập huấn cho nhóm Hỗ trợ kỹ thuật

Tổ chức tập huấn cho nhóm Hỗ trợ kỹ thuật và nhóm Cộng đồng trước khi tiến hành đánh giá về mục đích, nội dung đánh giá, kỹ năng thu thập thông tin, các công cụ đánh giá, tổng hợp thông tin, kỹ năng hướng dẫn người dân xác định và phân tích rủi ro, lựa chọn giải pháp).

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh/huyện sẽ cung cấp, hướng dẫn cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã các kỹ năng này.

Tập huấn viên là những người đã được công nhận là tập huấn viên về QLTTCD và đánh giá TTDBTT và Năng lực.

Tổ chức nhóm đánh giá

- UBND cấp xã ra quyết định giao nhiệm vụ cho nhóm Hỗ trợ kỹ thuật tổ chức đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;
- Chuẩn bị và thống nhất kế hoạch đánh giá: yêu cầu, công cụ, nguồn thông tin, lịch làm việc;
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện hậu cần

- *Lựa chọn địa điểm:* Xác định các tổ tự quản, thôn/ấp/làng/bản nơi tiến hành đánh giá rủi ro. Tùy thuộc vào đặc điểm của xã, có thể lựa chọn một số thôn/ấp đại diện hoặc đánh giá ở tất cả các thôn/ấp;
- *Xác định thời điểm thích hợp (trước mùa thiên tai)* để tiến hành đánh giá rủi ro. Chính quyền địa phương, tổ chức quần chúng, có đại diện nam, nữ của các nhóm dân cư, các nhóm dễ bị tổn thương, các doanh nghiệp hoặc tổ hợp tác tại địa phương tham gia vào việc đánh giá;
- *Lựa chọn công cụ:* tùy thuộc vào nguồn lực và nhu cầu thông tin, nhóm đánh giá sẽ lựa chọn các công cụ đánh giá có sự tham gia phù hợp. Các công cụ thu thập và phân tích thông tin phục vụ cho đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được giới thiệu cụ thể trong tài liệu "*Hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*", Bộ Nông nghiệp và PNTN, 2014.

Bước 2: Thu thập dữ liệu

Tổ chức họp cộng đồng:

- Mỗi thôn/bản/ấp tổ chức cuộc họp ban đầu: Nhóm cộng đồng tổ chức các cuộc họp với sự tham gia của đầy đủ các thành phần phụ nữ, nông dân, thanh niên, người cao tuổi, người khuyết tật....Yêu cầu ít nhất 30% là nữ giới.
- Nhóm đánh giá cần giới thiệu mục đích chung, yêu cầu và phương pháp của việc đánh giá cho người đại diện của cộng đồng (ví dụ trưởng thôn/xóm, hiệu trưởng trường học, người đứng đầu tôn giáo...);
- Trong quá trình đánh giá, người hướng dẫn cần chú ý tạo cơ hội cho đại diện của các nhóm dễ bị tổn thương nêu được ý kiến và mối quan tâm của họ.
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã phối hợp chặt chẽ với cộng đồng, sử dụng các công cụ để

thu thập thông tin, số liệu và dữ liệu về các sự kiện đã xảy ra: i) Thông tin về tình trạng đói nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, sinh kế của cộng đồng chịu rủi ro; ii) Cơ cấu và năng lực của các tổ chức liên quan tham gia vào công tác quản lý rủi ro thiên tai; thông tin về hệ thống cảnh báo sớm; iii) Khả năng tiếp cận các tổ chức ứng phó và cứu trợ, thông tin về khả năng tiếp cận những phương tiện và biện pháp cứu trợ như đường sơ tán, nơi trú ẩn... và thông tin về năng lực của cộng đồng. Thu thập, phân tích thông tin các vấn đề về giới, sự hoà nhập của người khuyết tật trong các hoạt động phòng tránh thiên tai trước đây.

Bước 3: Tổng hợp thông tin

Trên cơ sở thông tin thu thập được, Nhóm hỗ trợ kỹ thuật tổng hợp thông tin vào các bảng biểu, đối chiếu, phân tích và so sánh.

Bước 4: Kiểm chứng thông tin, xác định giải pháp

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cùng cộng đồng:

- Xác định được các rủi ro thiên tai và xếp hạng theo thứ tự ưu tiên; Tìm ra nguyên nhân dẫn đến các rủi ro; nguyên nhân gây nên bất bình đẳng về giới để đưa ra được các giải pháp phù hợp;
- Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và đề xuất các giải pháp vượt quá năng lực của cộng đồng lên cấp có thẩm quyền.

Bước 5: Báo cáo kết quả đánh giá

- Trên cơ sở thông tin thu thập được, nhóm Hỗ trợ kỹ thuật có sự tham gia của các nhóm cộng đồng tổng hợp từ các thôn/bản, hoàn chỉnh báo cáo đánh giá (Tham khảo mẫu Báo cáo Đánh giá rủi ro thiên tai ở Phụ lục 3);
- UBND xã và BCH PCLB sử dụng báo cáo này làm cơ sở xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của xã;

5.2 Lập kế hoạch phòng, chống thiên tai dựa vào cộng đồng

5.2.1 Mục tiêu

Mỗi xã tự xây dựng được kế hoạch phòng, chống thiên tai (kế hoạch hàng năm, định hướng năm năm), cụ thể:

- Kế hoạch phòng, chống thiên tai phù hợp, sát với nhu cầu thực tế của các nhóm đối tượng khác nhau, tính khả thi cao, đảm bảo tính bền vững;
- Tăng cường tính chủ động của địa phương và sự phối hợp giữa các bên có liên quan trong ứng phó với thiên tai và BĐKH, hạn chế thiệt hại;
- Chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp và nguồn lực trong cộng đồng, sử dụng có hiệu quả trong đầu tư phát triển, tránh lãng phí, thất thoát;
- Nâng cao nhận thức người dân trong cộng đồng, người dân xác định được vai trò, nhiệm vụ xây dựng và thực hiện kế hoạch.

Yêu cầu:

- Đảm bảo có sự tham gia đầy đủ của các nhóm và các bên liên quan, đảm bảo dân chủ, công khai;

- Dựa trên kết quả đánh giá RRTT-DVCD;
- Nội dung của kế hoạch phải cụ thể về thời gian, nguồn lực và có phân công nhiệm vụ cho từng tổ chức, cá nhân.
- Hàng năm cần phải cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, kế hoạch phát triển KT-XH của địa phương và theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

5.2.2 Các bước lập kế hoạch phòng, chống thiên tai dựa vào cộng đồng

<p>Bước 1 Chuẩn bị</p>	<p>Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã cùng với nhóm Cộng đồng xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai dựa vào cộng đồng trên cơ sở các báo cáo tình hình KTXH của địa phương, kết quả đánh giá RRTT và kế hoạch Phát triển KT-XH của xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp và lựa chọn những thông tin có liên quan; - Xác định những vấn đề cần giải quyết (giải pháp ưu tiên và các nguồn lực); - Dự thảo kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã.
<p>Bước 2 Tổ chức họp lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng</p>	<p>Họp lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng về Dự thảo kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện UBND xã trình bày Dự thảo Kế hoạch hàng năm và định hướng 5 năm. - Nhóm kỹ thuật báo cáo kết quả đánh giá các thôn/bản/ấp; - Thảo luận về dự thảo Kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã.
<p>Bước 3 Hoàn thiện</p>	<p>Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật hoàn chỉnh kế hoạch phòng, chống thiên tai dựa vào cộng đồng của xã.</p>
<p>Bước 4 Phê duyệt kế hoạch</p>	<p>Phê duyệt kế hoạch phòng, chống thiên tai dựa vào cộng đồng của xã.</p>

5.2.3 Nội dung chính trong kế hoạch phòng, chống thiên tai

Bản kế hoạch cần đảm bảo các nội dung chính theo quy định của Luật phòng, chống thiên tai, cụ thể như sau¹⁴:

- Đánh giá và cập nhật hàng năm về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng trong phạm vi quản lý;

¹⁴ Theo điều 15 Luật phòng, chống thiên tai

b) Xác định nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai phù hợp với từng loại thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường xảy ra tại địa phương, chú ý đến đối tượng dễ bị tổn thương, bao gồm các hoạt động:

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai;
- Xây dựng phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai cụ thể;
- Tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai;
- Xác định khu vực nguy hiểm;
- Chuẩn bị địa điểm sơ tán;
- Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

c) Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai;

d) Đề xuất nhu cầu về nguồn lực và xác định tiến độ hàng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai tại địa phương;

đ) Xác định trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai.

5.3 Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung lồng ghép bao gồm:

- a) Xác định biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội;
- b) Xác định biện pháp giảm nguy cơ rủi ro thiên tai và giảm tác động xấu đến môi trường;
- c) Xác định biện pháp xây dựng hệ thống hạ tầng kết hợp mục tiêu phòng, chống thiên tai;
- d) Xác định nguồn lực để thực hiện biện pháp lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai;

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5.4 Kế hoạch phòng, chống thiên tai (Mẫu tham khảo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

& THÍCH ỨNG BĐKH XÃ....

NĂM...

1. Thông tin cơ bản về xã

1.1. Địa lý

Xã/Thôn ở về phía..... huyện/xãphía Đông giáp....., phía Tây giáp....., phía Nam giáp....., phía Bắc giáp.....

1.2. Địa hình

1.3. Sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên)

Diện tích tự nhiên:ha,đất..... , quy hoạch sử dụng đất hợp lý, bình quân đất sản xuất tính trên đầu người là..... m²

1.5. Dân cư

Bảng:

a. Số thôn/tổ

b. Số hộ:

c. Số dân: người (nam: , nữ).

d. Cơ cấu độ tuổi:

Giới tính: nam % nữ %

Người khuyết tật: người (..... người lớn,trẻ em)

Người giàtỷ lệ%

Số hộ Phụ nữ làm chủ hộ :,trong đó là hộ nghèo..... hộ

Trẻ dưới 16 tuổi : tỷ lệ%

Trẻ suy dinh dưỡngcháu chiếm tỷ lệ%

e. Tỷ lệ hộ nghèo: Hộ nghèo:hộ ,..... %; hộ cận nghèohộ,..... %

Theo tiêu chí mới thu nhập dưới 500.000đ/tháng

f. Dân tộc/ Tín ngưỡng

- Kinh.....%, Khác%

- Tín ngưỡng:

+ Đạo Phật: %

+ Đạo Thiên chúa : %

+ Đạo khác : %

g. Các ngành sản xuất chính:

h. Thu nhập bình quân đầu người...../năm

2. Tình hình thiên tai (10 năm trở lại đây và những thiên tai có tính lịch sử)

Tóm tắt những loại thiên tai gây thiệt hại chính (báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai) và xu hướng trong tương lai (tăng, giảm).

3. Tổng hợp phân tích tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống và thích ứng thiên tai

Xác định những điểm mạnh, yếu, nguồn lực chính của địa phương (tài chính, con người, phương tiện, vật tư...).

4. Các rủi ro/vấn đề cấp thiết của cộng đồng – Phân loại và xếp hạng vấn đề theo mối quan tâm của người dân (dựa trên Báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai):

Tổng hợp các rủi ro/ vấn đề :

Thứ tự ưu tiên	Các rủi ro/vấn đề	Ghi chú
1		
2		
3		
4		

* Xếp hạng thứ tự ưu tiên dựa trên các tiêu chí về tính cấp thiết, nhận thức của người dân về rủi ro, mức độ tổn thương của các nhóm.

5. Phân tích rủi ro - lựa chọn giải pháp (Cân nhắc khả năng nguồn lực sẵn có của địa phương

Bảng

TT	Rủi ro /vấn đề	Giải pháp	Hoạt động cụ thể
1	2	3	4
1			
2			
3			
.....			

6. Kế hoạch hành động cụ thể Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng BĐKH:

TT	Hoạt động (theo cột số 4 bảng ...)	Thời gian		Số lượng	Địa điểm	Người chịu trách nhiệm	Nguồn lực (Ngân sách và các nguồn khác)
		Bắt đầu	Kết thúc				
	Họp định hướng			1			

Ngày.... tháng.... Năm 201

T/M.....

PHỤ LỤC 1: CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

I. Các loại hình thiên tai ở Việt Nam

1. Bão và áp thấp nhiệt đới

Bão là gì?

Bão và áp thấp nhiệt đới là một cơn gió xoáy có phạm vi rộng có thể ảnh hưởng tới một vùng rộng lớn từ 200 đến 500 km. Khi đổ bộ vào đất liền, bão và áp thấp thường gây gió lớn, mưa to và nước dâng gây thiệt hại trực tiếp và kéo theo các hiểm họa khác.

Nguyên nhân hình thành: Bão ở Việt Nam được hình thành từ biển Đông hoặc Tây Thái Bình Dương và thường có đường di chuyển nhất định.

Khả năng dự báo: Đường di chuyển của bão được dự báo khi cơn bão hình thành và phát triển, nhưng việc dự báo chính xác điểm đổ bộ vào đất liền chỉ có thể thực hiện được trước khi bão đổ bộ vài giờ.



2. Lốc

Lốc là gì?

Lốc là một cột không khí hình phễu, xảy ra đột ngột, diễn ra trong thời gian ngắn, di chuyển nhanh trên mặt đất và trên biển. Có thể nhìn thấy cột không khí này do những vật thể mà nó bốc lên từ mặt đất (ví dụ: cát bụi, công trình, nhà cửa, cây cối ...)

Nguyên nhân hình thành: Lốc được tạo ra khi gió bắt đầu xuất hiện hình phễu xoáy, có thể xảy ra nhiều hơn khi thời tiết nóng.

Khả năng dự báo: Khó dự báo và thường chỉ quan sát được khi nó đã hình thành, vì vậy việc cảnh báo sớm hầu như khó thực hiện được.



3. Lũ, lụt

Lũ, lụt là gì?

- Lũ là hiện tượng khi mực nước và tốc độ dòng chảy trên sông, suối vượt quá mức bình thường trong một thời gian sau đó lại rút xuống.
- Lụt xảy ra khi nước lũ trong sông suối dâng cao tràn qua bờ sông, suối, hồ đập và đê vào các vùng trũng, làm ngập công trình, nhà cửa, cây cối, đồng ruộng,...



Nguyên nhân của lũ, lụt

- Những trận mưa lớn kéo dài; Sông ngòi bị bồi lắng làm giảm khả năng thoát nước; Đê đập hồ chứa nước bị vỡ; Rừng đầu nguồn bị phá hủy và mưa lớn kết hợp triều cường (nước biển xâm nhập sâu vào đất liền) gây ngập lụt.

Khả năng dự báo

- Hiện nay công tác dự báo và cảnh báo lũ sớm đã và đang được chú trọng nghiên cứu và ứng dụng;
- Các kinh nghiệm về sự hiểu biết thời tiết theo mùa vẫn được sử dụng trong công tác dự báo lũ lụt.

4. Lũ quét

Lũ quét là gì?

- Lũ quét là hiện tượng lũ lớn kèm theo bùn đá, được hình thành từ mưa lớn, xảy ra cực nhanh, có sức tàn phá rất lớn khi một khối lượng nước khổng lồ di chuyển nhanh từ địa hình cao xuống thấp.



Nguyên nhân hình thành

- Lũ quét được hình thành khi một khối lượng nước khổng lồ bởi những cơn [mưa lớn](#) và [bão](#).
- Lũ quét cũng có thể được hình thành khi [đập](#) bị vỡ hay xả lũ không đúng quy trình.

Khả năng dự báo: Lũ quét đa dạng, phức tạp và mang tính địa phương rõ nét, vì vậy khả năng dự báo thấp.

5. Sạt lở đất

Sạt lở đất là gì?

Là sự dịch chuyển của đất đá xuống bên dưới sườn dốc. Sạt lở đất xảy ra ở các khu vực đồi núi dốc và bờ sông, bờ biển.



Nguyên nhân hình thành

- Do chấn động tự nhiên của Trái đất;
- Do mưa hoặc lũ, lụt lớn làm thay đổi độ ẩm trong đất, đất đá không còn sự dính kết và trôi xuống, đặc biệt ở những vùng rừng bị chặt phá;
- Do sự thay đổi hướng dòng chảy trên sông làm tăng mức độ xói lở bờ sông;
- Do xây dựng công trình trên sườn dốc, bờ sông.

Khả năng dự báo: Số lần xuất hiện và phạm vi ảnh hưởng của các vùng có nguy cơ sạt lở có thể được xác định thông qua các số liệu về địa chất, địa mạo, thủy văn, khí hậu cũng như vết nứt bề mặt trái đất.

6. Mưa đá

Mưa đá là gì?

- Là hiện tượng mưa dưới dạng hạt hoặc cục băng, có kích thước khoảng từ 5 mm đến vài chục mm, thường xảy ra trong thời điểm giao mùa;
- Mưa đá thường kết thúc rất nhanh trong vòng 5 -10 phút, lâu nhất cũng chỉ 20 - 30 phút. Trong cơn dông, mưa đá thường kèm theo gió rất mạnh, có khi là gió lốc.



Nguyên nhân hình thành: Mưa đá xảy ra do sự bất ổn định trong không khí giữa luồng khí hậu lạnh và nóng gặp nhau. Hơi nước bốc lên cao, ngưng tụ lại thành hạt đá nhỏ, những hạt đá này tiếp tục đông kết và dính lại với nhau tạo nên những hạt đá to hơn và rơi xuống mặt đất.

Khả năng dự báo: Hiện nay vấn đề dự báo mưa đá, nhất là dự báo chính xác khu vực xảy ra mưa đá trước một khoảng thời gian là rất khó. Cơ quan Khí tượng Thủy văn mới chỉ có thể dựa vào sự phát triển của các đám mây dông để cảnh báo trước 1- 2 giờ trước khi mưa đá xảy ra.

7. Sương muối

Sương muối là gì?

Là hiện tượng hơi nước ở sát mặt đất đóng băng thành các hạt nhỏ và trắng như muối ngay trên mặt đất hay bề mặt cây cỏ hoặc các vật thể khác khi không khí trên đó ẩm và lạnh.



Nguyên nhân hình thành

- Sương muối thường hình thành vào những đêm đông, trời lặng gió, quang mây, khi mà bức xạ là nguyên nhân chủ yếu của quá trình lạnh đi của không khí và các vật thể;
- Sương muối thường hình thành khi nhiệt độ không khí ≤ 4 độ C và không khí ẩm.

8. Rét hại

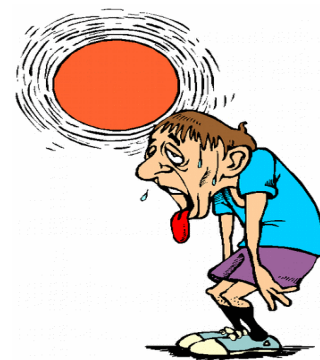
Rét hại là gì?

- Là khi nhiệt độ trung bình ngày trong khu vực giảm xuống dưới 13 độ C, thời tiết nhiều mây và có thể có mưa nhỏ;
- Rét hại thường hay xảy ra ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào các tháng chính đông (tháng 12 đến tháng 2).

9. Nắng nóng

Nắng nóng là gì?

Là một dạng thời tiết đặc biệt thường xảy ra trong những tháng hè. Nắng nóng gay gắt khi nhiệt độ cao nhất nằm trong khoảng 37°C – 39°C, và đặc biệt gay gắt khi nhiệt độ cao hơn 39°C.



10. Hạn hán

Hạn hán là gì?

Hạn hán là hiện tượng lượng mưa thiếu hụt nghiêm trọng kéo dài, làm giảm độ ẩm trong không khí và lượng nước trong đất, làm suy kiệt dòng chảy sông, suối, hạ thấp mực nước ao hồ, giảm mực nước ngầm gây ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng của cây trồng, suy thoái môi trường...



Nguyên nhân hình thành

Thiếu mưa trong một thời gian dài; Con người chặt phá rừng, đất không còn khả năng giữ nước; Khai thác nguồn nước ngọt không hợp lý; Biến đổi khí hậu, nhiệt độ tăng, lượng nước từ nơi chứa nước (sông, suối, ao, hồ) bốc hơi nhanh; Nước mặn xâm nhập sâu làm ô nhiễm nguồn nước ngọt (còn gọi là *hạn mặn*).

Khả năng dự báo: Hạn hán có thể dự báo sớm được dựa trên các phân tích về lượng mưa và số liệu thủy văn.

11. Xâm nhập mặn

Xâm nhập mặn là gì?

Là hiện tượng nước mặn (với độ mặn 4 phần nghìn) từ biển xâm nhập sâu vào đất liền và ảnh hưởng tới nguồn nước sinh hoạt, sinh trưởng phát triển của cây trồng và vật nuôi.

Nguyên nhân

Vào mùa khô, nước trong sông cạn kiệt khiến nước mặn từ biển theo các sông, kênh dẫn tràn vào gây mặn; Những vùng đất ven biển cũng có nguy cơ nhiễm mặn do thẩm thấu.

Khả năng dự báo: Hiện tượng xâm nhập mặn xảy ra hàng năm và do đó có thể dự báo trước.

12. Động đất

Động đất là gì?

Là sự rung chuyển hay chuyển động của mặt đất.

Mức độ xảy ra động đất ở các nơi rất khác nhau, tùy thuộc vào vị trí địa lý của khu vực đó. Động đất có khả năng gây ra những chấn động lớn, cách quãng sau thời gian dài.

Nguyên nhân hình thành: Động đất xảy ra khi có hiện tượng dịch chuyển, trượt của lớp vỏ trái đất dọc theo vết đứt gãy, hoặc một khu vực của vỏ trái đất bị dồn nén và trôi lên tới một vị trí mới.



Khả năng dự báo: Động đất có thể dự báo dựa trên việc quan trắc các hoạt động địa chấn và sự xuất hiện trong quá khứ. Tuy nhiên, khả năng dự báo chính xác thời điểm xảy ra động đất vẫn còn thấp.

13. Sóng thần

Sóng thần là gì?

Là hiện tượng một loạt các đợt sóng có chiều dài tới hàng trăm km hoặc lớn hơn tiến từ đại dương vào bờ biển.



Nguyên nhân hình thành

Sóng thần hình thành khi có sự nâng, hạ đột ngột của vỏ trái đất làm dịch chuyển cả mực nước bên trên bề mặt biển.

Sự dịch chuyển của nước biển còn do hiện tượng sạt lở đất hoặc phun trào núi lửa ngầm dưới đáy đại dương.

Khả năng dự báo

Dấu hiệu của sóng thần đang di chuyển tới bờ biển chỉ được nhận biết được trong thời gian ngắn từ 5 đến 10 phút trước khi đổ bộ vào bờ. Hiện nay các hệ thống cảnh báo sớm đang được thiết lập.

II. Phân vùng thiên tai¹⁵

Đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

Vùng đồng bằng Bắc Bộ bao gồm 10 tỉnh thành: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, thành phố Hà Nội và Hải Phòng. Đây là vùng có mật độ dân số cao. Khu vực này có hai con sông lớn là sông Lô và sông Đà, đều đổ nước vào sông Hồng góp phần tạo nên dòng chảy có lưu lượng lớn, trung bình khoảng 4300 m³/s. Toàn bộ vùng đồng bằng châu thổ dựa lưng vào khu vực có địa hình dốc và vùng rừng núi cao.

Cao trình mặt đất lớn nhất là 3 m so với mực nước biển; trung bình chỉ cao hơn 1 m hoặc thấp hơn. Khu vực này thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão và lũ, lụt. Tại một số nơi, mực nước lũ lịch sử lên tới 14 m.

¹⁵ Tài liệu Kỹ thuật Quản lý rủi ro thiên tai và Biến đổi khí hậu, 2012

Vùng Bắc Trung Bộ nằm ở phía bắc của miền Trung Việt Nam, bao gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Đây là vùng có mật độ dân cư cao, đường bờ biển dài và thường xuyên chịu tác động của bão, lũ. Thời tiết rất khắc nghiệt, chịu ảnh hưởng của những đợt gió khô nóng từ Lào vào mùa hè.

Vùng duyên hải miền Trung, miền Đông Nam Bộ và hải đảo

Vùng duyên hải Trung Bộ gồm 8 tỉnh thành ven biển nằm ở nửa phía nam của miền trung Việt Nam: Thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận và Ninh Thuận. Vùng này có chiều rộng lãnh thổ lớn hơn so với vùng Bắc Trung Bộ và chịu tác động chủ yếu của bão và lũ.

Vùng Đông Nam Bộ và hải đảo, gồm 6 tỉnh thành: Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh. Vùng này ở phía bắc đồng bằng sông Cửu Long, là vùng đất thấp. Khu vực này là nơi tập trung các hoạt động kinh tế và có mật độ dân số cao. Vùng Đông Nam Bộ chịu các tác động của bão, lũ, lốc xoáy, và cháy rừng.

Đồng bằng sông Cửu Long

Đây là vùng ở cực nam của đất nước, gồm 12 tỉnh thành: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Hậu Giang, Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ. Đây là vựa lúa lớn của Việt Nam và cũng là vùng sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Vùng này chủ yếu chịu ảnh hưởng của lũ.

Một nhánh của sông Mê Kông tại Nông Pênh tiếp nhận nước từ hồ Tôn Lê Sáp, một hồ nước ngọt lớn trên hệ thống sông Mê Kông có tác dụng như một hồ chứa tự nhiên góp phần ổn định dòng chảy xuống vùng hạ lưu sông Mê Kông. Vào mùa lũ, do các cửa sông bị phù sa bồi lấp không thể tiêu thoát một lượng nước lớn từ thượng nguồn. Nước lũ được giữ lại trong hồ Tôn Lê Sáp, làm ngập hơn 10.000 km² hoặc 25% tổng diện tích của vùng. Khi lũ rút, nước từ trong hồ lại chảy về hạ lưu ra biển. Tác dụng trữ nước của hồ làm giảm đáng kể mối đe dọa của dòng chảy lũ gây ra đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, nơi mà hàng năm nước sông tràn ngập các cánh đồng từ một tới hai mét. Trong khi bên trong đồng bằng chịu ảnh hưởng của lũ, hạn và bão thì khu vực ven biển của vùng đồng bằng chịu ảnh hưởng chủ yếu của bão và xâm nhập mặn.

Khu vực miền núi và Tây Nguyên

Bao gồm 15 tỉnh ở khu vực Đông bắc và Tây bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai và Quảng Ninh, có chung đường biên giới với Lào và Trung Quốc và tiếp giáp với biển ở phía đông. Đây là vùng núi cao và dân cư thưa thớt. Vùng này dễ bị lũ quét, lũ lụt và sạt lở đất.

Khu vực Tây Nguyên, bao gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng chủ yếu có địa hình là đồi núi, nằm ở Nam Trung Bộ. Khu vực này là dễ bị lũ lụt, hạn hán, lũ quét và lốc tố.

Trên biển

Khu vực trên biển, gồm quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa¹⁶. Đây là khu vực chịu ảnh hưởng chính từ bão và nước biển dâng do bão.

III. Các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai¹⁷

Giải pháp giảm nhẹ RRTT được chia thành hai nhóm chính: Giải pháp công trình và phi công trình.

1. Nhóm giải pháp công trình

Nhóm giải pháp công trình bao gồm các biện pháp nhằm giảm thiểu các yếu tố dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng ứng phó với thiên tai, ví dụ:

- Lựa chọn vị trí an toàn cho các công trình xây dựng nhà cửa, trụ sở cơ quan, kho bãi, trạm y tế, trạm điện
- Xây dựng các công trình phòng chống thiên tai như hệ thống đê, đập, kè chống sạt lở, hệ thống tưới tiêu,...
- Lắp đặt và thường xuyên bảo dưỡng các trạm đo đạc, quan trắc, dự báo khí tượng và các hệ thống cảnh báo thiên tai...
- Lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc có thể vận hành thông suốt trước, trong và sau thiên tai;
- Thiết lập khu vực tạm trữ nguyên, nhiên liệu, bảo quản, dự trữ nhu yếu phẩm;
- Bố trí hệ thống phương tiện vận chuyển đồng bộ và có phương tiện dự phòng;
- Chuẩn bị sẵn sàng các trang thiết bị cứu trợ, cứu nạn;
- Có quy hoạch sử dụng đất và tài nguyên hợp lý, tránh các khu vực tập trung các yếu tố chịu rủi ro cao.

2. Giải pháp phi công trình

Trước đây, các giải pháp công trình được quan tâm và nhận được sự đầu tư lớn của Chính phủ cũng như chính quyền địa phương. Trên thực tế, các giải pháp phi công trình ngày càng cho thấy vai trò quan trọng và cần được chú trọng nhiều hơn trong công tác giảm nhẹ RRTT.

Một số giải pháp phi công trình trong giảm nhẹ RRTT, cụ thể như sau:

- Nâng cao kiến thức, nhận thức và kỹ năng của người dân trong công tác phòng ngừa, giảm nhẹ và khắc phục hậu quả thiên tai;
- Lập kế hoạch phòng, chống thiên tai hàng năm để bố trí nhân lực, vật lực đầy đủ, phân công trách nhiệm rõ ràng để đảm nhận nhiệm vụ ứng phó thiên tai từ cấp thôn, bản, làng, xã;

¹⁶ Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo ngoài khơi của Việt Nam. Điểm gần nhất của quần đảo Hoàng Sa nằm ở 120 hải lý về phía đông của trung tâm thành phố Đà Nẵng và đảo Ré, một hòn đảo ven biển của Việt Nam. Trong khi đó, điểm gần nhất của quần đảo Trường Sa nằm ở khoảng 250 hải lý về phía đông của vịnh Cam Ranh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

¹⁷ Dự án Quản lý rủi ro thiên tai WB4.

- Bố trí mùa vụ thích hợp, điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kế hoạch dự trữ/bảo quản sản phẩm để có nguồn cung ổn định;
- Hình thành mạng lưới tương trợ, hợp tác liên làng, xã khi có thiên tai xảy ra;
- Kế hoạch phát triển phát kinh tế - xã hội có tính đến yếu tố rủi ro thiên tai nhằm đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

3. Một số giải pháp giảm nhẹ RRTT đề xuất cho hộ gia đình

- Trước và sau thiên tai, cần tham gia đầy đủ các buổi họp làng xã, tổ dân phố, cụm dân cư để có thông tin về các biện pháp giảm nhẹ phòng ngừa, phục hồi tái thiết cho khu vực mình đang sinh sống;
- Khi thiên tai xảy ra, tham gia vào các hoạt động cứu hộ cứu nạn nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho gia đình và cộng đồng;
- Có ý thức bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên như rừng, nguồn nước sạch, ...
- Tích cực tham gia ào các lớp tập huấn về giảm nhẹ rủi ro thiên tai của địa phương
- Áp dụng chuyển đổi cơ cấu sản xuất hộ gia đình cho phù hợp với diễn biến thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu.



PHỤ LỤC 2: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

I. Khái niệm chung¹⁸

a) Thời tiết là gì?

Thời tiết là trạng thái của khí quyển tại một địa điểm nhất định, bao gồm các hiện tượng khí tượng như nắng, gió, mưa, sương mù,....

Thời tiết thường dễ thay đổi trong một thời gian ngắn, có thể là một buổi, một ngày hoặc vài ngày.



b) Khí hậu là gì?

Khí hậu mô tả trạng thái trung bình nhiều năm của thời tiết tại một khu vực nhất định. Khí hậu bao gồm các yếu tố khí tượng được thống kê nhiều năm. Khác với thời tiết, khí hậu có tính ổn định tương đối.

c) Biến đổi khí hậu là gì?

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là sự thay đổi của khí hậu diễn ra trong một khoảng thời gian dài, do nguyên nhân tự nhiên hoặc hoạt động của con người.

Ngày nay, các ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải phát thải vào khí quyển một lượng lớn các *khí nhà kính*. Ngoài ra, một lượng lớn khí nhà kính đang phát thải vào khí quyển từ những bãi chôn lấp rác thải.

Nồng độ khí nhà kính tăng làm nhiệt độ trái đất nóng lên, gây biến đổi khí hậu, làm mực nước biển dâng cao, tác động lớn đến môi trường sinh thái, tăng nguy cơ diệt chủng một số loài động vật, thực vật và ảnh hưởng tới sức khỏe con người.



d) Khí nhà kính là gì?

Bầu khí quyển của Trái Đất chứa một số loại khí đặc biệt gọi là *khí nhà kính*, vì cách mà chúng làm ấm Trái Đất tương tự như cách người ta giữ nhiệt cho các ngôi nhà làm bằng kính để trồng cây.

Khí nhà kính chủ yếu bao gồm: hơi nước (H₂O); cacbon đioxit (CO₂); metan (CH₄); các khí CFC; các khí đinitơ oxit (N₂O); và khí ozon trong tầng đối lưu (O₃); Những khí này giống như một chiếc chăn có độ dày vừa đủ, giúp giữ ấm cho Trái Đất ở trong khoảng nhiệt độ thích hợp, khiến sự sống có thể phát triển và sinh sôi nảy nở. Nếu không có những khí này, nhiệt từ Mặt Trời sẽ không được giữ lại và bề mặt Trái Đất sẽ trở nên lạnh lẽo.



e) Hiệu ứng nhà kính là gì ?

¹⁸ Trung tâm sống và học tập vì môi trường (Live&learn), 2011



Hiệu ứng nhà kính là khả năng giữ nhiệt của bầu khí quyển ngay phía trên bề mặt của Trái đất do các khí nhà kính có khả năng giữ lại lượng nhiệt tỏa ra từ bề mặt Trái đất và phát lượng nhiệt đó trở lại bầu khí quyển.

Các khí nhà kính và hiệu ứng nhà kính chỉ trở thành một vấn đề lớn khi mà bầu khí quyển của chúng ta có quá nhiều các khí này.

2. Nguyên nhân gây ra BĐKH

Nguyên nhân gây ra BĐKH có thể chia ra làm hai loại: Nguyên nhân do con người và nguyên nhân tự nhiên.

- a) Nguyên nhân do tự nhiên:**
- Sự thay đổi năng lượng nhiệt cung cấp từ mặt trời có thể gây ra sự nóng lên hay lạnh đi của trái đất;
 - Hoạt động của núi lửa làm tăng khí bụi vào môi trường;
 - Sự biến động tự nhiên của trái đất như quỹ đạo quay của trái đất và kiến tạo địa tầng.
- b) Nguyên nhân do con người:**
- Đốt cháy các nhiên liệu hóa thạch như dầu mỏ, khí ga và than đá sản sinh ra nhiều khí cacbonic. Theo tính toán của các nhà khoa học sử dụng nhiên liệu hóa thạch làm tăng thêm 80%-85% lượng khí cacbonic (CO_2) vào bầu khí quyển;
 - Chuyển đổi sử dụng đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp.

3. Biểu hiện chính của biến đổi khí hậu

- Nhiệt độ trung bình tăng ;
- Lượng mưa thay đổi;
- Mực nước biển dâng lên do sự tan băng của hai cực trái đất;
- Thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan (nắng nóng, giá rét, bão, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn...) đều tăng cả về cường độ và tần suất.



II. Tác động của BĐKH đối với các vùng miền ở Việt Nam

Cũng như tình hình chung trên thế giới, ở Việt Nam, BĐKH đang tác động tới tất cả các vùng miền và các lĩnh vực về tài nguyên, môi trường và kinh tế - xã hội. Trong đó, tài nguyên nước, sản xuất nông nghiệp, sức khỏe cộng đồng chịu các tác động mạnh mẽ nhất.

2.1 Vùng đồng bằng châu thổ

- Đất bị ngập úng: Khí hậu biến đổi đã làm chế độ lũ đổ về hạ lưu tăng mạnh, kèm theo lượng mưa tăng làm diện tích đất ngập sâu ngày càng mở rộng. Tình trạng sạt lở bờ sông ngày càng diễn ra trên diện rộng và nghiêm trọng.
- Đất bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn: tình trạng khô hạn kéo dài, đặc biệt là vào mùa khô làm nước mặn xâm nhập sâu vào nội đồng.

2.2 Vùng ven biển

- Nước biển dâng cao gây ngập lụt, mất diện tích đất ở và đất sản xuất (nông nghiệp, thủy sản và làm muối);
- Hiện tượng xâm nhập mặn tăng: nước mặn xâm nhập sâu kết hợp với suy giảm nguồn nước gây ảnh hưởng lớn đến nhiều diện tích đất canh tác;
- Xói lở bờ biển và sạt lở bờ sông . Biển ngày càng “ăn” sâu vào đất liền. Cơ sở hạ tầng như cảng biển, khu công nghiệp, hệ thống đường giao thông bị tác động mạnh.
- Các hệ sinh thái biển (san hô, cỏ biển...) và ven biển (rừng ngập mặn) bị ảnh hưởng;
- Hạn hán: Hồ chứa trong vùng thường dễ lâm vào tình trạng cạn kiệt vì không có mưa trên thượng nguồn¹⁹.

2.3 Vùng miền núi và trung du

- Lũ quét và sạt lở đất diễn ra ngày càng nghiêm trọng;
- Các vùng đồi núi miền Bắc và miền Trung có nguy cơ bị xói mòn mạnh hơn do chịu tác động của mưa bão tập trung, địa hình dốc và chia cắt mạnh, lớp thảm phủ bị tàn phá mạnh trong thời gian dài;
- Sạt lở đất không chỉ làm lấp diện tích đất đang sản xuất mà còn làm cho việc định hình một số khu sản xuất ở miền đồi núi trở nên thiếu ổn định. Sạt lở đất còn gây hư hại đường giao thông, công trình xây dựng,.. có những trận sạt lở đất đã vùi lấp cả bản làng.

III. Giải pháp thích ứng BĐKH ở Việt Nam

a) Giải pháp công trình

- Củng cố đê chắn sóng và đê biển;
- Xây dựng nhà cửa, các công trình công cộng kiên cố cho các khu vực dễ xảy ra rủi ro thiên tai;
- Xây dựng các kho chứa lương thực và giống cây trồng;
- Quy hoạch và xây dựng các khu vực tránh lũ lụt, các hồ chứa nước dự phòng;
- Xây dựng các nhà máy phát điện từ nguồn năng lượng tự nhiên như năng lượng mặt trời, năng lượng gió.

b) Giải pháp phi công trình

Một số giải pháp phi công trình trong TUBĐKH bao gồm:

¹⁹ Bộ TN&MT và Chương trình SEMLA, 2009

- Truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức làm thay đổi thói quen và hành vi của người dân;
- Tăng cường sản xuất nông nghiệp xanh, sạch, đa dạng hóa và bền vững, như thử nghiệm và nhân rộng các giống lúa có khả năng chịu úng và chịu mặn cao;
- Trồng rừng làm tăng khả năng giữ đất, nước, hấp thu khí cacbonic (CO₂);
- Thiết lập các hệ thống thông tin hiện đại cảnh báo sự thay đổi của thời tiết.

c) Một số giải pháp thích ứng BĐKH đề xuất cho hộ gia đình

- Sử dụng tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và sinh hoạt; Tăng cường sử dụng năng lượng thay thế như khí biogas, năng lượng mặt trời,...
- Sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên nước;
- Giảm phát thải khí đốt vào không khí (không đốt rơm rạ ngoài đồng, đốt rừng, đốt rác);
- Loại bỏ thói quen sử dụng túi nilong trong sinh hoạt;
- Thay đổi thói quen sử dụng gỗ tự nhiên dùng làm đồ đạc trong gia đình.

PHỤ LỤC 3: MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI (tham khảo)²⁰

1. Thông tin chung về xã:

Vị trí địa lý và đặc điểm địa hình (vùng núi, vùng đồng bằng thấp trũng, vùng biển...);

Giới thiệu chung về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương

Đặc điểm, xu hướng của thiên tai: Bão, Lũ lụt, Hạn hán, Rét, Lũ quét...

Tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống và thích ứng thiên tai

Thực trạng dễ bị tổn thương liên quan đến các rủi ro theo 07 lĩnh vực;

Thực trạng về năng lực phòng, chống và thích ứng thiên tai của cộng đồng theo 07 lĩnh vực.

Rủi ro liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội

An toàn cộng đồng

Sản xuất, kinh doanh (cụ thể cho từng ngành: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, Tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ...)

Sức khỏe, vệ sinh và môi trường

5. Đề xuất giải pháp và các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai

Giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai phù hợp với từng nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong cộng đồng;

Giải pháp phi công trình và công trình. Các hoạt động cần làm trước, trong và sau thiên tai xảy ra và các hoạt động phòng ngừa thích ứng.

²⁰ Trung tâm sống và học tập vì môi trường, 2013

PHỤ LỤC 4: NHIỆM VỤ CHI TIẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QLTTCD

1. Chính quyền cấp xã

1.1 Xây dựng tài liệu đào tạo

Biên soạn tài liệu tuyên truyền về PTGNNT, thích ứng biến đổi khí hậu cho cộng đồng trong địa bàn mình phù hợp với đặc điểm thiên tai, kinh tế - xã hội - văn hóa của các nhóm cộng đồng. Việc biên soạn tài liệu cần có sự hỗ trợ của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện, tỉnh.

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã phối hợp với các nhóm cộng đồng để hỗ trợ UBND xã biên soạn hoặc xây dựng tài liệu tuyên truyền.

1.2 Xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên

Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền cấp xã và các buổi tuyên truyền cho cộng đồng hoặc các Nhóm cộng đồng.

Quản lý hệ thống tuyên truyền viên cấp xã trong địa bàn và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

1.3 Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực

Tổ chức hướng dẫn cộng đồng thực hiện đánh giá VCA trong địa bàn mình cư trú.

Tổng hợp các báo cáo đánh giá VCA của các cộng đồng trong phạm vi xã.

Xây dựng và cập nhật hàng năm bản đồ tổng hợp các loại rủi ro/hiểm họa về các loại hình thiên tai khác nhau tại mỗi vùng khác nhau trong phạm vi xã.

Báo cáo và nộp kết quả lên UBND cấp huyện (Phòng NN&PTNT).

1.4 Lập kế hoạch

UBND cấp xã trực tiếp xây dựng kế hoạch hàng năm, 05 năm trên cơ sở đề xuất từ cộng đồng và gửi UBND cấp huyện tổng hợp.

1.5 Tổ chức thực hiện

Trên cơ sở kế hoạch năm được phê duyệt, bố trí kinh phí hợp lý để triển khai các hoạt động đã đúc kết kinh nghiệm thực hiện trong năm trước và phát huy cao kết quả đạt được.

Xây dựng cơ sở dữ liệu cho từng địa bàn nhằm theo dõi các chỉ số và đánh giá quá trình thực hiện và kết quả triển khai kế hoạch.

Đảm bảo sự tham gia của các tổ chức xã hội, đoàn thể và cộng đồng trong việc theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch.

Tổ chức thực hiện các hoạt động trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt và bố trí kinh phí.

Tổ chức diễn tập phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng.

Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm ở cấp cộng đồng.

Thiết lập hệ thống theo dõi, đánh giá các cấp và cơ chế phản hồi giữa cộng đồng và các bên nhằm tạo điều kiện khả thi để người dân tham gia vào quá trình theo dõi, đánh giá.

Đánh giá các bước thực hiện theo từng giai đoạn trong phạm vi địa phương.

Tổ chức các khóa tập huấn các cán bộ chính quyền thực hiện kế hoạch phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

Tổ chức các buổi tuyên truyền cho cộng đồng và các Nhóm cộng đồng về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

1.6 Theo dõi, đánh giá

UBND xã chỉ đạo Nhóm hỗ trợ kỹ thuật phối hợp với Nhóm cộng đồng triển khai việc theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch trên địa bàn.

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật kết hợp với Nhóm cộng đồng tiến hành theo dõi, đánh giá trong quá trình triển khai hoạt động của kế hoạch trên địa bàn xã.

UBND cấp xã xây dựng báo cáo dựa trên hệ thống chỉ số theo dõi và đánh giá do tỉnh ban hành và gửi báo cáo lên UBND cấp huyện (Phòng NN&PTNT) theo quy định.

UBND xã chịu trách nhiệm cập nhật, lưu trữ số liệu/thông tin của thôn, bản, ấp và báo cáo gửi cấp huyện.

2. Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã

2.1 Cơ cấu tổ chức

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, Nhóm hỗ trợ kỹ thuật sẽ được UBND cấp xã quyết định thành lập, trong đó quy định rõ thành viên, vai trò, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các thành viên trong Nhóm.

Trưởng nhóm, các Phó Trưởng nhóm và các thành viên của các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật:

Trưởng Nhóm: Đối với cấp xã là Phó Chủ tịch UBND xã

Các Phó Trưởng nhóm: Chịu trách nhiệm về các vấn đề kỹ thuật (đào tạo, cán bộ đảm nhận đánh giá VCA, theo dõi và đánh giá) và cần lựa chọn cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm thực hiện các hoạt động liên quan trong các dự án quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng đã được thực hiện thành công trên địa bàn.

2.2 Nhiệm vụ của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật

2.2.1 Nhiệm vụ chung

Tham mưu UBND xã để triển khai các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại địa phương.

Trực tiếp triển khai các hoạt động chuyên môn được giao và chịu trách nhiệm về việc theo dõi, hướng dẫn, tổ chức, thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn, đảm bảo đạt được mục đích, nội dung và hiệu quả.

2.2.2 Nhiệm vụ cụ thể

Tuyên truyền, đào tạo

Tổ chức đánh giá nhu cầu tập huấn của cộng đồng về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.

Tham mưu cho UBND xã trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch tập huấn.

Tham gia tổ chức và là giảng viên chính cho các khóa tập huấn cho cộng đồng và cho các cán bộ triển khai công tác quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại xã.

Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả các khóa tập huấn và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo như: nội dung tài liệu đào tạo, kỹ năng và phương pháp đào tạo.

Đánh giá rủi ro

Tổ chức đánh giá rủi ro thiên tai trong phạm vi cộng đồng, xã.

Tổ chức việc thu thập số liệu phục vụ đánh giá rủi ro thiên tai và xây dựng cơ sở dữ liệu.

Tham mưu cho UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai Đề án hàng năm trong phạm vi xã.

Phối hợp và tham gia xây dựng tài liệu tập huấn về đánh giá rủi ro thiên tai.

Tham gia tổ chức và là giảng viên cho các khóa tập huấn cho cộng đồng và các cán bộ triển khai công tác đánh giá rủi ro thiên tai tại cấp xã.

Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả đánh giá rủi ro thiên tai.

Theo dõi, đánh giá

Tổ chức đánh giá, theo dõi kết quả và tiến độ thực hiện các hoạt động trong kế hoạch hàng năm, 05 năm của địa phương.

Tham mưu cho UBND xã xây dựng hệ thống chỉ số theo dõi và đánh giá, cũng như kế hoạch giám sát, đánh giá.

Hướng dẫn địa phương thực hiện theo dõi và đánh giá.

Tham gia tổ chức và là giảng viên chính cho các khóa tập huấn cho cộng đồng và các cán bộ triển khai công tác quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại cấp xã.

Xây dựng báo cáo quý, hàng năm, 05 năm về theo dõi, đánh giá kết quả các hoạt động và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng theo dõi và đảm bảo tiến độ thực hiện.

2.2.3 Nhiệm vụ của Trưởng nhóm, Phó Trưởng nhóm hỗ trợ kỹ thuật

Trưởng nhóm

Trên cơ sở chỉ đạo của UBND xã xây dựng kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, bao gồm định hướng và kế hoạch triển khai chi tiết.

Tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Nhóm để sơ kết tiến độ triển khai, thảo luận về các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng đã được thực hiện.

Phân công nhiệm vụ cho các Phó Trưởng nhóm và các thành viên trong nhóm; kiểm tra, hướng dẫn và hỗ trợ các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp dưới.

Tổng hợp và báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm, trình UBND xã.

Phó Trưởng nhóm

Trợ giúp Trưởng nhóm trong việc thực hiện các nhiệm vụ trên.

Thực thi nhiệm vụ của Trưởng nhóm khi Trưởng nhóm bận công việc khác.

3. Nhóm cộng đồng

3.1 Cơ cấu tổ chức

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng xã, Nhóm cộng đồng được UBND cấp xã quyết định thành lập, trong đó quy định rõ thành viên, quyền hạn, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các thành viên trong nhóm, giữa nhóm với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã.

Thành viên Nhóm cộng đồng sẽ do người dân bầu ra trên cơ sở kiến thức, kinh nghiệm... Cần chú trọng đến vấn đề giới và quan hệ xã hội giữa các nhóm cộng đồng.

Trưởng Nhóm cộng đồng là Trưởng thôn, bản hoặc khu dân cư.

3.2 Nhiệm vụ của Nhóm cộng đồng

3.2.1 Nhiệm vụ chung

Phối hợp với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Kế hoạch triển khai Đề án cấp xã tại địa bàn cư trú.

3.2.2 Nhiệm vụ chuyên biệt

Tuyên truyền viên

Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng về nhu cầu tập huấn về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.

Phối hợp với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã để tham mưu cho UBND xã xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, tập huấn.

Phối hợp và tham gia xây dựng nội dung tài liệu tập huấn, tài liệu tuyên truyền về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Tham gia tổ chức cho các khóa tập huấn cho cộng đồng.

Góp ý về bản báo cáo đánh giá kết quả các khóa tập huấn và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo như: nội dung tài liệu, kỹ năng và phương pháp đào tạo phù hợp.v.v

Đánh giá rủi ro

Tham gia đánh giá rủi ro thiên tai trong phạm vi cộng đồng.

Tham gia thu thập số liệu phục vụ đánh giá rủi ro thiên tai, và xây dựng cơ sở dữ liệu.

Tham gia tổ chức cho các khóa tập huấn cho cộng đồng.

Góp ý cho bản báo cáo đánh giá kết quả đánh giá rủi ro thiên tai.

Theo dõi, đánh giá

Tham gia giám sát, theo dõi và đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm, 05 năm tại khu vực cộng đồng sinh sống.

Phối hợp với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã tham mưu cho UBND xã xây dựng hệ thống chỉ số phục vụ giám sát, đánh giá và kế hoạch giám sát, đánh giá.

Phối hợp và góp ý trong quá trình theo dõi, đánh giá.

Góp ý cho bản báo cáo quý, hàng năm, 05 năm về theo dõi, đánh giá đánh giá kết quả các hoạt động và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng theo dõi, đánh giá nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện.

3.2.3 Nhiệm vụ của Trưởng nhóm

Phối hợp với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã xây dựng kế hoạch, tham mưu trình UBND xã đưa ra các định hướng và kế hoạch cụ thể.

Tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Nhóm để sơ kết tiến độ triển khai, thảo luận về các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng đã thực hiện.

Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm; trợ giúp Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã triển khai các hoạt động tại cộng đồng.

Tham gia tổng hợp và báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng và cả năm cho UBND xã.

PHỤ LỤC 5: ĐỀ ÁN NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và QLTTCD (QĐ 1002/QĐ-TTg)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kiêm Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

Mục tiêu chung:

Nâng cao nhận thức cộng đồng và tổ chức có hiệu quả mô hình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho các cấp, các ngành, đặc biệt là chính quyền và người dân ở các làng, xã nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hóa do thiên tai gây ra, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn chỉnh cơ chế, chính sách về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.
- Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai; đảm bảo đến năm 2020 có 100% cán bộ được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.
- Tất cả các làng, xã ở những vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai xây dựng được kế hoạch phòng tránh thiên tai, có hệ thống thông tin liên lạc và xây dựng được lực lượng nòng cốt có chuyên môn, nghiệp vụ về giảm nhẹ thiên tai, lực lượng tình nguyện viên để hướng dẫn và hỗ trợ nhân dân trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.
 - + 70% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.
 - + Đưa kiến thức phòng tránh giảm nhẹ thiên tai vào chương trình đào tạo của trường học phổ thông.

II. NHIỆM VỤ VÀ QUY MÔ CỦA ĐỀ ÁN

Nhằm đảm bảo tính đồng bộ và phát huy tối đa hiệu quả đầu tư, Đề án gồm 2 hợp phần có mối liên hệ mật thiết với nhau, bao gồm:

a) Hợp phần 1: Nâng cao năng lực về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ chính quyền các cấp.

Hợp phần 1 có mục tiêu đảm bảo 100% cán bộ các cấp trực tiếp làm công tác quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng. Bao gồm các hoạt động sau:

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, thống nhất về quản lý, hướng dẫn, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp và tại cộng đồng.
- Hoàn thiện bộ máy phòng, chống và quản lý thiên tai của cơ quan chuyên trách các cấp của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Xây dựng hệ thống đào tạo về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp.
- Xây dựng các bộ tài liệu đào tạo về chính sách, cơ chế và các hoạt động triển khai quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp và cộng đồng (bao gồm cả bộ tài liệu cho giảng viên và bộ tài liệu cho học viên).
- Tổ chức đào tạo về chính sách, cơ chế, các bước thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho đội ngũ giảng viên, các cơ quan, cán bộ địa phương và cán bộ trực tiếp triển khai thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp.
- Đưa chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cơ quan chính quyền và đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng như một hoạt động thiết yếu trong chương trình, kế hoạch hoạt động về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai hàng năm ở các cấp.
- Trang bị công cụ hỗ trợ công tác phòng, chống lụt bão cho các cơ quan, chính quyền các cấp và bộ dụng cụ giảng dạy về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp.
- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp tỉnh, thành phố.

b) Hợp phần 2: Tăng cường truyền thông giáo dục, nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai.

Hợp phần này với mục tiêu: Tăng cường năng lực cho cộng đồng về giảm nhẹ thiên tai; trên 70% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai. Bao gồm các hoạt động chủ yếu sau:

- Thành lập nhóm triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại cộng đồng (do cộng đồng bầu chọn).
- Thiết lập bản đồ thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương ở từng cộng đồng (do cộng đồng tự xây dựng dựa trên hướng dẫn của nhóm thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại cộng đồng); xây dựng pano, bản đồ và bảng hướng dẫn các bước cơ bản về chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả tại địa điểm trung tâm của mỗi cộng đồng.

- Xây dựng sổ tay hướng dẫn triển khai các hoạt động cơ bản của cộng đồng về chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả ứng với từng giai đoạn: trước, trong và sau thiên tai phù hợp cho từng cộng đồng (theo truyền thống văn hóa và điều kiện kinh tế - xã hội của từng nhóm cộng đồng).
- Hàng năm, thành viên cộng đồng thu thập, cập nhật thông tin cho bản đồ thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương.
- Hàng năm, cộng đồng xây dựng kế hoạch về phòng, chống và quản lý rủi ro thiên tai có lồng ghép với tác động của biến đổi khí hậu.
- Các thành viên cộng đồng xây dựng kế hoạch phát triển của cộng đồng có lồng ghép kế hoạch về phòng, chống và quản lý rủi ro thiên tai.
- Hàng năm, tổ chức diễn tập về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng (bao gồm cả các trang thiết bị và dụng cụ hỗ trợ).
- Thiết lập hệ thống về cảnh báo, truyền tin sớm về thiên tai trong cộng đồng (bao gồm cả các trang thiết bị và dụng cụ hỗ trợ).
- Thiết lập hệ thống đánh giá và giám sát các hoạt động về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong cộng đồng.
- Các hoạt động về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng thường xuyên được truyền thông qua trang internet, tivi, đài, báo và các pano áp phích, tờ rơi...
- Xây dựng bộ tài liệu đào tạo về các hoạt động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong cộng đồng (bộ tài liệu này sẽ bao trùm lên quá trình quản lý rủi ro thiên tai như chuẩn bị lập kế hoạch, lập kế hoạch, các hoạt động ứng cứu trong thiên tai, các hoạt động về khôi phục và phục hồi sau thiên tai...).
- Hàng năm, tổ chức các lớp đào tạo cho cộng đồng về từng hoạt động riêng biệt trong công tác quản lý rủi ro thiên tai tại cộng đồng (các hoạt động đào tạo, tập huấn này được tổ chức riêng biệt cho từng đối tượng cụ thể trong cộng đồng như giới tính, học sinh phổ thông, người lớn tuổi...).
- Tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ có nội dung về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng nhân các ngày lễ hội.
- Xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng (đường tránh lũ, trường học, trạm y tế, nước sạch...).

Khung hành động, kế hoạch thực hiện và kinh phí thực hiện được thể hiện tại Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Quyết định này.

III. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đề án dự kiến thực hiện trong 12 năm, bắt đầu từ năm 2009 và kết thúc vào năm 2020 và dự kiến được thực hiện ở khoảng 6.000 làng, xã thường bị ảnh hưởng do thiên tai trên toàn quốc.

IV. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Tổng nhu cầu vốn để thực hiện Đề án khoảng 988,7 tỷ đồng, được phân bổ cho các hợp phần như sau:

- Hợp phần 1: nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền địa phương ở các cấp về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng: 182,9 tỷ đồng.
- Hợp phần 2: nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng: 805,8 tỷ đồng.

a) Cơ chế tài chính:

Với tổng nhu cầu về vốn để thực hiện Đề án, dự kiến kinh phí thực hiện Đề án được xác định từ các nguồn vốn sau đây:

- Vốn ngân sách: 546,9 tỷ đồng (chiếm 55%).
- Vốn dân đóng góp: 46,322 tỷ đồng (chiếm 5%).
- Vốn tài trợ không hoàn lại từ các Chính phủ và các tổ chức quốc tế: 395,48 tỷ đồng (chiếm 40%).

b) Giai đoạn thực hiện và phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 1 (2009 - 2010): 75,4 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2 (2011 – 2015): 366,4 tỷ đồng.
- Giai đoạn 3 (2016 - 2020): 546,9 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện Đề án và có trách nhiệm:

- Xác định mục tiêu, phê duyệt nội dung, tính toán kinh phí cần thiết và đề xuất các giải pháp thực hiện hàng năm, 5 năm; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chuẩn bị kinh phí và đề xuất phân bổ cho các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Hướng dẫn kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Đề án; làm đầu mối quốc gia liên hệ với các tổ chức quốc tế về lĩnh vực này.
- Trên cơ sở các danh mục kế hoạch hành động của các tỉnh, thành phố tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch hành động chi tiết, xác định rõ những nội dung cần ưu tiên gửi các Bộ, ngành, địa phương để tổ chức thực hiện.
- Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Đề án của các địa phương; định kỳ hàng năm sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, cân đối, bố trí từ ngân sách, tìm nguồn vốn tài trợ khác để thực hiện hiệu quả các nội dung của Đề án.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo: phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo phòng, chống, lụt bão Trung ương biên soạn tài liệu và đưa nội dung phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai lồng ghép vào các môn học để giảng dạy ở các trường tiểu học, trung học trong các giờ chính khóa hoặc ngoại khóa.

4. Các Bộ, ngành: theo chức năng nhiệm vụ của mình phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo phòng, chống, lụt bão Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh để tổ chức thực hiện Đề án này.

5. Các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch của Đề án cho địa phương mình.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan được phê duyệt trong Đề án.
- Đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu và có hiệu quả nguồn vốn của Đề án, thực hiện chống tham nhũng và thất thoát vốn của Đề án.
- Chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép với các hoạt động có liên quan của các chương trình khác trên địa bàn để đạt được các mục tiêu của Đề án.
- Chuẩn bị địa bàn thực hiện Đề án, các báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án trên địa bàn tỉnh, thành phố theo quy định.

6. Các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và nhân dân.

Các hoạt động về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là sự nghiệp của toàn xã hội. Quá trình hoạch định các chủ trương chính sách, tổ chức và triển khai các hoạt động của Đề án, ngoài sự đầu tư của Nhà nước, cần huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và nhân dân.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Phó Thủ Tướng Hoàng Trung Hải

Đã ký

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” phê duyệt tại Quyết định 1002 của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/7/2009.
2. Tài liệu hướng dẫn triển khai Đề án Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng do Tổng cục Thủy lợi ban hành theo Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐĐ ngày 22/8/2011.
3. Hướng dẫn cấp xã lập kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, JANI (2011).
4. Tài liệu hướng dẫn đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Hội Chữ thập đỏ Hà Lan.
5. Sổ tay hướng dẫn "Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng" DMC-Oxfarm (2012).
6. Xây dựng năng lực phòng ngừa với thiên tai ở vùng cao Việt Nam. CECI (2009).
7. Tài liệu Kỹ thuật Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu. CTIC, Trường Đại học Thủy lợi, Đại học RMIT, Melbourne, Australia, Đại học Đông Anglia, Đại học Sussex, Anh (2011).
8. Sổ tay hướng dẫn xúc tiến công tác Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. JICA (2011).
9. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực. Hội Chữ thập đỏ Hà Lan (2010).
10. Thực tiễn thực hiện quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. JICA (2011).
11. Hãy ghi nhận sức mạnh của phụ nữ và trẻ em gái trong giảm nhẹ rủi ro. Câu chuyện từ Việt Nam. JANI (2012).
12. Một số mô hình QLTTDVCĐ của các tổ chức CARE, OXFAM và World Vision. CARE, OXFAM và World Vision (2010).
13. Hướng dẫn Lập kế hoạch làng xã an toàn. Japan Social Development Fund (JSDF) (2011)
14. Các bài học kinh nghiệm và điển hình về QLTTCD ở vùng cao Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu và hợp tác quốc tế (CECI), Trung tâm sống và học tập vì môi trường và cộng đồng (Live&Learn) (2011).
15. Tăng cường phòng chống thiên tai tại cộng đồng. CARE Quốc tế tại Việt Nam. Dự án DIPECHO “Sáng kiến mạng lưới vận động chính sách tại Việt Nam”